

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH KẾ TOÁN**  
**MÃ NGÀNH 7340301**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHDL, ngày tháng năm 20  
của Trường Đại học Điện lực)*

**1. Thông tin về chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo:

Tên tiếng Việt:	Kế toán
Tên tiếng Anh:	Accounting
Mã ngành đào tạo:	7340301
Trình độ đào tạo:	<b>Đại học</b>
Thời gian đào tạo:	<b>4 năm</b>
Tên văn bằng sau tốt nghiệp:	Cử nhân
Tên đơn vị cấp bằng:	<b>Trường Đại học Điện lực</b>

Nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng theo Quyết định số 226/QĐ-KĐCL ngày 30 tháng 6 năm 2018 do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.

Chương trình đào tạo được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội chứng nhận Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu theo Quyết định số 666/QĐ-KĐCL, ngày 26/8/2022.

Thời điểm cập nhật bản mô tả: 6/2023

**2. Mục tiêu chương trình đào tạo**

**2.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức toàn diện về kế toán - kiểm toán; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức công việc kế toán; khả năng giao tiếp hiệu quả; khả năng học tập suốt đời; có khả năng xác định và giải quyết các vấn đề trong chuyên môn; có khả năng sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc; có đạo đức nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng, hội nhập quốc tế.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

PEO1. Người học có khả năng áp dụng kiến thức chuyên môn toàn diện, khả năng ứng dụng và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán

PEO2. Người học có khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giải quyết các vấn đề chuyên môn và khả năng học tập suốt đời, thích nghi trong môi trường làm việc khác nhau trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.

PEO3. Người học có đạo đức và trách nhiệm trong công việc, có thái độ tích cực và ý thức phục vụ cộng đồng.

### 3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

#### 3.1 Chuẩn đầu ra

PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
<b>Kiến thức</b>	
PLO1	Vận dụng kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật; về khoa học cơ bản; kiến thức về công nghệ thông tin; về khoa học xã hội; sử dụng ngoại ngữ để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý.
PLO2	Đánh giá được kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành, chuyên sâu và các công cụ hiện đại của lĩnh vực kế toán, kiểm soát, quản trị doanh nghiệp để từ đó phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề kỹ thuật liên quan đến công việc của ngành kế toán.
<b>Kỹ năng</b>	
PLO3	Thể hiện tư duy phản biện, tư duy hệ thống, đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, tổ chức và quản lý công tác kiểm toán trong tổ chức.
PLO4	Tổ chức làm việc nhóm và sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả.
PLO5	Vận dụng năng lực số, công nghệ thông tin trong công tác kế toán
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
PLO6	Nhận thức và đưa ra nhận định, đánh giá chuyên môn trên cơ sở xem xét đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và bối cảnh toàn cầu, môi trường, kinh tế và xã hội đương đại; có ý thức học tập suốt đời.

#### 3.2. Chỉ báo cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PLOs	PIs	Nội dung chỉ báo	Trọng số (%)
PLO1	PI1.1	Vận dụng kiến thức về khoa học cơ bản trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.	40
	PI1.2	Vận dụng các kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết tình huống trong công việc kiểm toán.	60
PLO2	PI2.1	Vận dụng được các quy định, nguyên tắc và các quy định của pháp luật trong công việc kế toán - kiểm toán.	20
	PI2.2	Vận dụng các kiến thức cơ bản trong quản lý, điều hành, tổ chức công tác kế toán	25
	PI2.3	Vận dụng được kiến thức để lập kế hoạch, tổ chức và giám sát trong quá trình thực hiện công tác kế toán	25
	PI2.4	Phân tích được kiến thức về hoạch định chiến lược và lãnh đạo thực hiện công việc trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán	15
	PI2.5	Đánh giá được kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán để làm việc trong môi trường kinh doanh toàn cầu	15
PLO3	PI3.1	Có kỹ năng phản biện, phê phán và đưa ra các biện pháp xử lý khác nhau trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.	35
	PI3.2	Có kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.	40

PLOs	PIs	Nội dung chỉ báo	Trọng số (%)
	PI3.3	Có năng lực đổi mới, khởi nghiệp và tổ chức quản lý các hoạt động trong công việc kiểm toán.	25
PLO4	PI4.1	Có kỹ năng tổ chức, hướng dẫn người khác thực hiện công việc và đánh giá kết quả thực hiện công việc trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán	40
	PI4.2	Có khả năng trình bày, chuyển tải thông tin tới nhóm, lãnh đạo đơn vị; có khả năng phổ biến kiến thức, kỹ năng trong thực hiện công việc kiểm toán	30
	PI4.3	Sử dụng được tiếng Anh để giao tiếp và khai thác tài liệu trong công việc kiểm toán khi cần thiết	30
PLO5	PI5.1	Vận dụng công nghệ thông tin và phần mềm ứng dụng đáp ứng yêu cầu công việc kế toán - kiểm toán.	45
	PI5.2	Vận dụng năng lực phân tích hệ thống, ngôn ngữ trong kinh doanh trong công việc kế toán - kiểm toán	55
PLO6	PI6.1	Có đủ khả năng làm việc chủ động, độc lập, tự định hướng hoạt động chuyên môn; đủ năng lực tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc.	30
	PI6.2	Đủ năng lực đánh giá chuyên môn về các nội dung liên quan tới nhiệm vụ trên cơ sở đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp trong mối quan hệ công việc và môi trường làm việc toàn cầu	35
	PI6.3	Có được ý thức và năng lực về đảm bảo chất lượng, hiệu quả, quản lý các nguồn lực, đổi mới sáng tạo trong công việc.	35

#### 4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Chương trình đào tạo ngành Kế toán với 2 chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp và Kế toán và kiểm soát trang bị cho sinh viên tốt nghiệp năng lực để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, sau khi ra trường sinh viên có thể làm việc:

##### 4.1. Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp có thể làm việc:

- Kế toán viên tại Phòng/ban kế toán, tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất, thương mại với quy mô vừa và nhỏ, tổng công ty, tập đoàn. Trong tương lai có khả năng đảm nhiệm vị trí kế toán trưởng hoặc có khả năng chuyển đổi để làm các công việc khác trong doanh nghiệp và các tổ chức khác (khi có kinh nghiệm thực tiễn).

- Trợ lý kiểm toán, kiểm toán viên (khi đã có kinh nghiệm làm việc) trong các công ty kiểm toán độc lập, cơ quan kiểm toán nhà nước.

- Nghiên cứu viên thuộc lĩnh vực kế toán tài chính, kiểm toán và giảng dạy tại các trường cao đẳng (giảng viên tại các trường đại học sau khi học tiếp chương trình sau đại học).

#### 4.2. Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán và Kiểm soát có thể làm việc trong:

- Kế toán quản trị tại các phòng/ban kế toán, tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất, thương mại với quy mô vừa và nhỏ, tổng công ty, tập đoàn. Trong tương lai có khả năng đảm nhiệm vị trí giám đốc tài chính hoặc có khả năng chuyển đổi để làm các công việc khác trong doanh nghiệp và các tổ chức khác (khi có kinh nghiệm thực tiễn).

- Trợ lý kiểm toán, kiểm toán viên nội bộ, kiểm soát viên nội bộ (khi đã có kinh nghiệm làm việc) trong các công ty, cơ quan hành chính sự nghiệp.

- Nghiên cứu viên thuộc lĩnh vực kế toán quản trị và giảng dạy tại các trường cao đẳng (giảng viên tại các trường đại học sau khi học tiếp chương trình sau đại học)

Sinh viên tốt nghiệp ngành kế toán có khả năng chuyển đổi để làm các công việc khác trong các doanh nghiệp và tổ chức khác.

### 5. Khả năng phát triển và nâng cao trình độ

Người học sau khi tốt nghiệp trình độ đại học ngành Kế toán có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu khoa học ở bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) của các chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính, quản trị kinh doanh, kinh tế nói chung tại các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế.

Tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao và chứng chỉ kế toán công chứng của Anh, Mỹ, Úc (ACCA, ACA, CPA US, CA ANZ), kiểm toán Việt Nam (CPA), chứng chỉ hành nghề thuế; Có thể phát triển sang lĩnh vực kế toán quản trị Mỹ (CIMA);

Đủ điều kiện để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan khối kinh tế, ngoại ngữ, luật.

Trong CTĐT có tích hợp các học phần định hướng nghề nghiệp và một số học phần theo chứng chỉ ACCA Diploma, sinh viên có cơ hội tiếp tục hoàn thiện chứng chỉ kế toán công chứng của Anh (ACCA).

### 6. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam (hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Đáp ứng các điều kiện khác của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT).

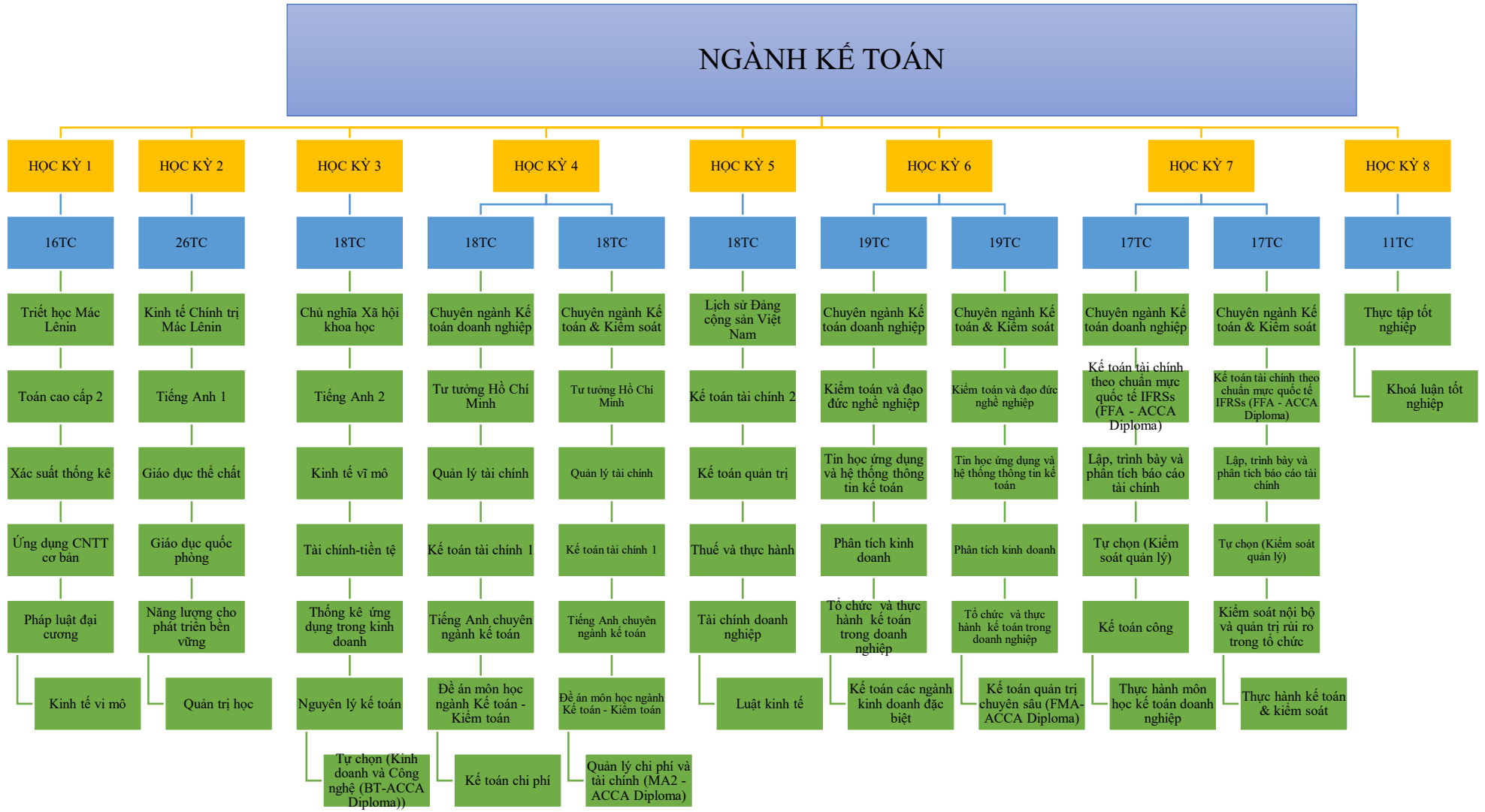
- Không vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

### 7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 128 tín chỉ

TT	Chuyên ngành	Số tín chỉ
1	Kế toán doanh nghiệp	128
2	Kế toán và kiểm soát	128

(Không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh theo quy định hiện hành)

8. Sơ đồ về mối liên hệ giữa các học phần trong chương trình đào tạo



**9. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình** (Mỗi chuẩn đầu ra được đánh số thứ tự từ 1 đến n. Mức độ đóng góp được mã hóa theo 3 mức đánh giá: Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình; Mức 3: Cao)

TT	Nội dung kiến thức/tên học phần	Mã HP	TC	CHUẨN ĐẦU RA (PLO)						Ghi chú
				1	2	3	4	5	6	
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>34</b>							
<b>1</b>	<b>Toán và các môn KH cơ bản</b>		<b>5</b>							
1.1	Toán cao cấp 2	004546	3	2						
1.2	Xác suất thống kê	003657	2	1						
<b>2</b>	<b>Khoa học chính trị, pháp luật và khoa học xã hội</b>		<b>18</b>							
2.1	Triết học Mác - Lênin	003923	3	1					2	
2.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	003925	2	1					1	
2.3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	003926	2	1					1	
2.4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	003505	2	2					2	
2.5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	003928	2	2					1	
2.6	Pháp luật đại cương	002018	2	1	2				2	
2.7	Năng lượng cho phát triển bền vững	004552	2	1					2	
2.8	Quản trị học	002244	3		2		2		2	
<b>3</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản</b>	004547	<b>3</b>	2				3		
<b>4</b>	<b>Ngoại ngữ cơ bản</b>		<b>8</b>							
4.1	Tiếng Anh 1	003137	4				3		1	
4.2	Tiếng Anh 2	004549	4				3		1	
<b>II</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>94</b>							
<b>1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>18</b>							
1.1	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc		16							
1.1.1	Kinh tế vi mô	001216	3	2	2				2	
1.1.2	Kinh tế vĩ mô	001223	2	2	2				2	
1.1.3	Tài chính-tiền tệ	002354	2	2		2			2	
1.1.4	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	3	3				2	2	
1.1.5	Nguyên lý kế toán	001838	3		3	2			2	
1.1.6	Quản lý tài chính	002208	3		3	2			2	
1.2	Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (chọn 2 TC)		2							
1.2.1	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	004723	2	2		2		2	2	

TT	Nội dung kiến thức/tên học phần	Mã HP	TC	CHUẨN ĐẦU RA (PLO)						Ghi chú
				1	2	3	4	5	6	
1.2.2	Kinh doanh và Công nghệ (BT-ACCA Diploma)	004764	2	2		2		2	2	
1.2.3	Lập trình Python	003881	2	2		2		2	2	
2	Kiến thức ngành		51							
2.1	Kiến thức ngành bắt buộc		48							
2.1.1	Kế toán tài chính 1	001065	4		3	3			3	
2.1.2	Kế toán tài chính 2	001069	4		3	3			3	
2.1.3	Kế toán quản trị	001044	3		3		2		3	
2.1.4	Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (FFA - ACCA Diploma)	004686	4		3		3		3	
2.1.5	Kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp	'004688	4		3	3	2		3	
2.1.6	Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán	004869	4	3	3	2	3	3	3	
2.1.7	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	003212	3		3		3		3	
2.1.8	Phân tích kinh doanh	'004695	3		3	3		3	3	
2.1.9	Thuế và thực hành	004868	4	3	3	3	3		3	
2.1.10	Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	004870	4		3	3		3	3	
2.1.11	Tài chính doanh nghiệp	002338	3		3	3			3	
2.1.12	Luật kinh tế	001506	2	2	3	3			3	
2.1.13	Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính	004692	3		3	3		3	3	
2.1.14	Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán	004681	3		3		3		3	
2.2	Kiến thức ngành tự chọn (Chọn 3 TC)		3							
2.2.1	Kiểm soát quản lý	004864	3		3	3			3	
2.2.2	Quản lý nhân lực	002176	3		3	2			3	
2.2.3	Tài chính cá nhân ứng dụng	004698	3		2	3			2	
2.2.4	Khởi sự kinh doanh	004722	3		2	3			2	
2.2.5	Hệ thống thông tin và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	004835	4		2			3	2	
3	Kiến thức chuyên ngành (chọn 1 trong 2 chuyên ngành)		14							
3.1	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc Kế toán doanh nghiệp		14							
3.1.1	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	'004863	4	3	3		3		3	
3.1.2	Kế toán công	004684	3		3	3			3	
3.1.3	Kế toán chi phí	001010	3	3	3	3	2		3	
3.1.4	Thực hành môn học kế toán doanh nghiệp	002690	4		3	3	3	3	3	
3.2	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc chuyên ngành Kế toán và kiểm soát		14							
3.2.1	Quản lý chi phí và tài chính (MA2 - ACCA Diploma)	004697	4	3	3	3	3		3	
3.2.2	Kế toán quản trị chuyên sâu (FMA-ACCA Diploma)	001048	3		3		3		3	
3.2.3	Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong tổ chức	004687	3		3	3	3		3	

TT	Nội dung kiến thức/tên học phần	Mã HP	TC	CHUẨN ĐẦU RA (PLO)						Ghi chú
				1	2	3	4	5	6	
3.2.4	Thực hành kế toán và kiểm soát	002676	4			3	3	3	3	
4	Thực tập tốt nghiệp	004573	4		3	3	3	3	3	
5	Khóa luận tốt nghiệp	004592	7		3	3	3	3	3	
	<b>Cộng</b>		<b>128</b>							
III	Định hướng nghề nghiệp (không tích lũy tín chỉ)									
3.1	Ghi chép nghiệp vụ tài chính cơ bản (FA1 - ACCA Diploma)	004733	2		3	2	3		2	
3.2	Quản lý thông tin chi phí trong tổ chức (MA1- Diploma)	004734	2		3	2	3		2	
3.3	Các nguyên tắc kế toán căn bản (FA2 - ACCA Diploma)	004735	2		3	3	3		3	
3.4	Kiểm toán căn bản (FAU- ACCA Diploma)	004736	3		3	3	3		3	
3.5	Cơ sở Quản lý tài chính (FFM - ACCA Diploma)	004737	3		3	3	3		3	
3.6	Quản lý chi phí và tài chính (MA2 - ACCA Diploma)	004697	3		3	3	3		3	Nếu SV học chuyên ngành KT&KS sẽ không học
3.7	Kế toán quản trị chuyên sâu (FMA-ACCA Diploma)	001048	3		3		3		3	Nếu SV học chuyên ngành KT&KS sẽ không học
3.8	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	004691	2			3	3		3	
3.9	Kiến tập hệ kế toán	004738	2		3	3			3	



## 10. Tổ chức giảng dạy; Đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành.

## 11. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc của chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ, rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

STT	Nội dung kiến thức	Số học phần	Số TC	Tỷ lệ %	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>13</b>	<b>34</b>	<b>27%</b>	
<b>II</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó</b>	<b>27</b>	<b>87</b>	<b>68%</b>	
<b>1</b>	<b><i>Kiến thức cơ sở ngành</i></b>	<b>7</b>	<b>18</b>	<b>14%</b>	
1.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp				
1.1.1	Bắt buộc	6	16		
1.1.2	Tự chọn	1	2		
1.2	Các học phần thực hành, thực tập.	0	0		
1.2.1	Bắt buộc				
1.2.2	Tự chọn				
<b>2</b>	<b><i>Kiến thức ngành</i></b>	<b>15</b>	<b>51</b>	<b>40%</b>	
2.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp				
2.1.1	Bắt buộc	13	45		
2.1.2	Tự chọn	1	3		
2.2	Các học phần thực hành, thực tập.				
2.2.1	Bắt buộc	1	3		
2.2.2	Tự chọn	0	0		
<b>3</b>	<b><i>Kiến thức chuyên ngành (02 chuyên ngành)</i></b>	<b>4</b>	<b>14</b>	<b>11%</b>	
3.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp				
3.1.1	Bắt buộc	3	10		
3.1.2	Tự chọn	0	0		
3.2	Các học phần thực hành, thực tập.				
3.2.1	Bắt buộc	1	4		
3.2.2	Tự chọn	0	0		

STT	Nội dung kiến thức	Số học phần	Số TC	Tỷ lệ %	Ghi chú
4	<i>Kiến thức chuyên sâu đặc thù</i>	0	0		
5	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	1	4	3%	
III	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	1	7	5%	
	<b>Cộng</b>	41	128	100%	

## 12. Kế hoạch đào tạo dự kiến theo từng kỳ

### 12.1. Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
1	1	003923	Triết học Mác Lênin	3	45	0	Không	GD ĐC	Tiểu luận	2	KHCT
2	1	004546	Toán cao cấp 2	3	45	0	Không	GD ĐC	Tự luận	2	KHTN
3	1	003657	Xác suất thống kê	2	30	0	Không	GD ĐC	Tự luận	2	KHTN
4	1	004547	Ứng dụng CNTT cơ bản	3	39	12	Không	GD ĐC	Thực hành	2	CNTT
5	1	002018	Pháp luật đại cương	2	30	0	Không	GD ĐC	Trắc nghiệm	2	KHCT
6	1	001216	Kinh tế vi mô	3	45	0	Không	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
7	2	003925	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2	30	0	003923	GD ĐC	Tiểu luận	2	KHCT
8	2	003137	Tiếng Anh 1	4	120	0	Không	GD ĐC	Thực hành	2	KNN
9	2	000801	Giáo dục thể chất	4			Không	GD ĐC	Thực hành		GDTC&QP
10	2	000785	Giáo dục quốc phòng	11			Không	GD ĐC	Thực hành		GDTC&QP
11	2	004552	Năng lượng cho phát triển bền vững	2	30	0	Không	GD ĐC	Trắc nghiệm	2	CNNL
12	2	002244	Quản trị học	3	45	0	Không	GD ĐC	Trắc nghiệm	2	KTQL
13	3	003926	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	30	0	003925	GD ĐC	Tiểu luận	2	KHCT
14	3	003144	Tiếng Anh 2	4	120	0	003137	GD ĐC	Thực hành	2	KNN
15	3	001223	Kinh tế vĩ mô	2	30	0	001216	CSN	Trắc nghiệm	1	KTQL

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
16	3	002354	Tài chính-tiền tệ	2	30	0	Không	CSN	Trắc nghiệm	1	KTQL
17	3	004557	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	3	30	30	003657	CSN	Tự luận	2	KTQL
18	3	001838	Nguyên lý kế toán	3	45	0	N/A	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
19	3	004764	Kinh doanh và Công nghệ (BT-ACCA Diploma)	2	30	0	001216	CSN	Trắc nghiệm	1	KTQL
20	4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	003926	GD ĐC	Tiểu luận	2	KHCT
21	4	002208	Quản lý tài chính	3	45	0	001216	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
22	4	001065	Kế toán tài chính 1	4	60	0	001838	Ngành	Tự luận	2	KTQL
23	4	003212	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	3	45	0	003144	Ngành	Tự luận	2	KTQL
24	4	004681	Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán	3	0	90	001065	Ngành	BCCĐ	1	KTQL
25	4	001010	Kế toán chi phí	3	45	0	004689	CN	Trắc nghiệm	2	KTQL
26	5	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0	003505	GD ĐC	Tiểu luận	2	KHCT
27	5	001069	Kế toán tài chính 2	4	60	0	001065	Ngành	Tự luận	2	KTQL
28	5	001044	Kế toán quản trị	3	45	0	001838	Ngành	Tự luận	2	KTQL
29	5	004868	Thuế và thực hành	4	45	30	001838	Ngành	Tự luận	2	KTQL
30	5	002338	Tài chính doanh nghiệp	3	45	0	002208	Ngành	Tự luận	2	KTQL
31	5	001506	Luật kinh tế	2	30	0	002018	Ngành	Tự luận	1	KHCT

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
32	6	004688	Kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp	4	60	0	001838	Ngành	Trắc nghiệm	2	KTQL
33	6	004869	Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán	4	30	60	001838	Ngành	Thực hành	2	KTQL
34	6	'004695	Phân tích kinh doanh	3	30	30	001023	Ngành	Tự luận	2	KTQL
35	6	004870	Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	4	45	30	003786	Ngành	Thực hành	2	KTQL
36	6	'004863	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	4	60	0	004689	CN	Tự luận	2	KTQL
37	7	004686	Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (FFA - ACCA Diploma)	4	60	0	001838	Ngành	Trắc nghiệm	2	KTQL
38	7	004692	Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính	3	30	60	001023	Ngành	Tự luận	2	KTQL
39	7	004864	Kiểm soát quản lý	3	45	0	'004688	Ngành	Trắc nghiệm	2	KTQL
40	7	004684	Kế toán công	3	45	0	001157	CN	Tự luận	2	KTQL
41	7	002690	Thực hành môn học kế toán doanh nghiệp	4	0	120	001838	CN	BCCĐ	1	KTQL
42	8	004573	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120	004870	CN	BCCĐ	1	KTQL
43	8	004592	Khoá luận tốt nghiệp	7	0	210	004573	CN	BCCĐ	1	KTQL
<b>Các học phần tự chọn:</b>											
44		004723	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	2	30	0	004546	CSN	Tự luận	1	KTQL

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
45		003881	Lập trình Python	2	30	0	Không	CSN	BCCĐ	1	KTQL
46		002176	Quản lý nhân lực	3	3	0	002244	Ngành	Trắc nghiệm	2	KTQL
47		004698	Tài chính cá nhân ứng dụng	3	30	30	001216	Ngành	Tự luận	2	KTQL
48		004722	Khởi sự kinh doanh	2	2	0	002244	Ngành	BCCĐ	1	KTQL
49		004835	Hệ thống thông tin và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	4	30	0	004547	Ngành	Tự luận	1	KTQL
<b>Các học phần định hướng nghề nghiệp (không tích lũy tín chỉ):</b>											
50	3	004733	Ghi chép nghiệp vụ tài chính cơ bản (FA1 - ACCA Diploma)	2	30	0	Không	ĐHN N	Trắc nghiệm	1	KTQL
51	4	004734	Quản lý thông tin chi phí trong tổ chức (MA1-Diploma)	2	30	0	Không	ĐHN N	Trắc nghiệm	1	KTQL
52	4	004735	Các nguyên tắc kế toán căn bản (FA2 - ACCA Diploma)	2	30	0	004733	ĐHN N	Trắc nghiệm	1	KTQL
53	4	004691	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	2	15	30	Không	ĐHN N	Trắc nghiệm	2	KTQL
54	5	004737	Cơ sở Quản lý tài chính (FFM - ACCA Diploma)	3	45	0	004735	ĐHN N	Trắc nghiệm	2	KTQL
55	5	004697	Quản lý chi phí và tài chính (MA2 - ACCA Diploma)	3	45	0	004734	ĐHN N	Trắc nghiệm	2	KTQL
56	6	004736	Kiểm toán căn bản (FAU-	3	45	0	004735	ĐHN N	Trắc nghiệm	2	KTQL

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
			ACCA Diploma)								
57	6	004738	Kiến tập hệ kế toán	2	0	60	004689	ĐHN N	BCCĐ	1	KTQL
58	7	001048	Kế toán quản trị chuyên sâu (FMA-ACCA Diploma)	3	45	0	004734	ĐHN N	Trắc nghiệm	2	KTQL

## 12.2. Chuyên ngành Kế toán và kiểm soát

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
1	1	003923	Triết học Mác Lênin	3	45	0	Không	GD ĐC	Tiểu luận	2	KHCT
2	1	004546	Toán cao cấp 2	3	45	0	Không	GD ĐC	Tự luận	2	KHTN
3	1	003657	Xác suất thống kê	2	30	0	Không	GD ĐC	Tự luận	2	KHTN
4	1	004547	Ứng dụng CNTT cơ bản	3	39	12	Không	GD ĐC	Thực hành	2	CNTT
5	1	002018	Pháp luật đại cương	2	30	0	Không	GD ĐC	Trắc nghiệm	2	KHCT
6	1	001216	Kinh tế vi mô	3	45	0	Không	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
7	2	003925	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2	30	0	003923	GD ĐC	Tiểu luận	2	KHCT
8	2	003137	Tiếng Anh 1	4	120	0	Không	GD ĐC	Thực hành	2	KNN
9	2	000801	Giáo dục thể chất	4			Không	GD ĐC	Thực hành		GDTC&QP
10	2	000785	Giáo dục quốc phòng	11			Không	GD ĐC	Thực hành		GDTC&QP
11	2	004552	Năng lượng cho phát triển bền vững	2	30	0	Không	GD ĐC	Trắc nghiệm	2	CNNL
12	2	002244	Quản trị học	3	45	0	Không	GD ĐC	Trắc nghiệm	2	KTQL
13	3	003926	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	30	0	003925	GD ĐC	Tiểu luận	2	KHCT
14	3	003144	Tiếng Anh 2	4	120	0	003137	GD ĐC	Thực hành	2	KNN
15	3	001223	Kinh tế vĩ mô	2	30	0	001216	CSN	Trắc nghiệm	1	KTQL

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
16	3	002354	Tài chính-tiền tệ	2	30	0	Không	CSN	Trắc nghiệm	1	KTQL
17	3	004557	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	3	30	30	003657	CSN	Tự luận	2	KTQL
18	3	001838	Nguyên lý kế toán	3	45	0	Không	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
19	3	004764	Kinh doanh và Công nghệ (BT-ACCA Diploma)	2	30	0	001216	CSN	Trắc nghiệm	1	KTQL
20	4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	003926	GD ĐC	Tiểu luận	2	KHCT
21	4	002208	Quản lý tài chính	3	45	0	001216	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
22	4	001065	Kế toán tài chính 1	4	60	0	001838	Ngành	Tự luận	2	KTQL
23	4	003212	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	3	45	0	003144	Ngành	Tự luận	2	KTQL
24	4	004681	Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán	3	0	90	001065	Ngành	BCCĐ	1	KTQL
25	4	004697	Quản lý chi phí và tài chính (MA2 - ACCA Diploma)	4	60	0	001838	CN	Tự luận	2	KTQL
26	5	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0	003505	GD ĐC	Tiểu luận	2	KHCT
27	5	001069	Kế toán tài chính 2	4	60	0	001065	Ngành	Tự luận	2	KTQL
28	5	001044	Kế toán quản trị	3	45	0	001838	Ngành	Tự luận	2	KTQL
29	5	004868	Thuế và thực hành	4	45	30	001838	Ngành	Tự luận	2	KTQL
30	5	002338	Tài chính doanh nghiệp	3	45	0	002208	Ngành	Tự luận	2	KTQL
31	5	001506	Luật kinh tế	2	30	0	002018	Ngành	Tự luận	1	KHCT
32	6	'004688	Kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp	4	60	0	001838	Ngành	Trắc nghiệm	2	KTQL

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
33	6	004869	Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán	4	30	60	001838	Ngành	Thực hành	2	KTQL
34	6	'004695	Phân tích kinh doanh	3	30	30	001023	Ngành	Tự luận	2	KTQL
35	6	004870	Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	4	45	30	003786	Ngành	Thực hành	2	KTQL
36	6	001048	Kế toán quản trị chuyên sâu (FMA-ACCA Diploma)	3	45	0	001044	CN	Tiểu luận	2	KTQL
37	7	004686	Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (FFA - ACCA Diploma)	4	60	0	001838	Ngành	Trắc nghiệm	2	KTQL
38	7	004692	Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính	3	30	60	001023	Ngành	Tự luận	2	KTQL
39	7	004864	Kiểm soát quản lý	3	45	0	'004688	Ngành	Trắc nghiệm	2	KTQL
40	7	004687	Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong tổ chức	3	45	0	'004688	CN	Trắc nghiệm	2	KTQL
41	7	002676	Thực hành kế toán và kiểm soát	4	0	120	001048	CN	BCCĐ	1	KTQL
42	8	004573	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120	004870	CN	BCCĐ	1	KTQL
43	8	004592	Khoá luận tốt nghiệp	7	0	210	004573	CN	BCCĐ	1	KTQL
<b>Các học phần tự chọn:</b>											
44		004723	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	2	30	0	004546	CSN	Tự luận	1	KTQL
45		003881	Lập trình Python	2	30	0	Không	CSN	Tự luận	1	KTQL



TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
46		002176	Quản lý nhân lực	3	3	0	002244	Ngành	Trắc nghiệm	2	KTQL
47		004698	Tài chính cá nhân ứng dụng	3	30	30	001216	Ngành	Tự luận	2	KTQL
48		004722	Khởi sự kinh doanh	2	2	0	002244	Ngành	BCCĐ	1	KTQL
49		004835	Hệ thống thông tin và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	4	30	0	004547	Ngành	Tự luận	1	KTQL
<b>Các học phần định hướng nghề nghiệp (không tích lũy tín chỉ):</b>											
50	3	004733	Ghi chép nghiệp vụ tài chính cơ bản (FA1 - ACCA Diploma)	2	30	0	Không	ĐHNN	Trắc nghiệm	1	KTQL
51	4	004734	Quản lý thông tin chi phí trong tổ chức (MA1- Diploma)	2	30	0	Không	ĐHNN	Trắc nghiệm	1	KTQL
52	4	004735	Các nguyên tắc kế toán căn bản (FA2 - ACCA Diploma)	2	30	0	004733	ĐHNN	Trắc nghiệm	1	KTQL
53	4	004691	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	2	15	30	Không	ĐHNN	Trắc nghiệm	2	KTQL
54	5	004737	Cơ sở Quản lý tài chính (FFM - ACCA Diploma)	3	45	0	004735	ĐHNN	Trắc nghiệm	2	KTQL
55	6	004736	Kiểm toán căn bản (FAU- ACCA Diploma)	3	45	0	004735	ĐHNN	Trắc nghiệm	2	KTQL
56	6	004738	Kiểm tập hệ kế toán	2	0	60	004689	ĐHNN	BCCĐ	1	KTQL
50	3	004733	Ghi chép nghiệp vụ tài chính cơ bản (FA1 - ACCA Diploma)	2	30	0	Không	ĐHNN	Trắc nghiệm	1	KTQL

### 13. Mô tả tóm tắt các học phần

13.1 Triết học Mác Lênin

Mã môn học: 003923

TC: 3TC

Học phần gồm 3 chương cung cấp những kiến thức nền tảng của Triết học Mác - Lênin, bao gồm: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó, giúp sinh viên có tư duy lôgic, phương pháp luận khoa học và cách mạng vận dụng một cách chủ động, sáng tạo kiến thức đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

### **13.2 Kinh tế Chính trị Mác Lênin Mã môn học: 003925 TC: 2TC**

Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin, về kinh tế hàng hoá, thị trường và nền kinh tế thị trường cũng như các quy luật kinh tế cơ bản trong nền kinh tế thị trường, học thuyết về giá trị thặng dư của C Mác, về quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, vấn đề công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay. Từ đó người học vận dụng những vấn đề có tính quy luật của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, hình thành ở người học niềm tin và ý thức tuân thủ theo chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

### **13.3 Chủ nghĩa Xã hội khoa học Mã môn học: 003926 TC: 2TC**

Học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần

### **13.4 Tư tưởng Hồ Chí Minh Mã môn học: 003505 TC: 2TC**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

### **13.5 Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam Mã môn học: 003928 TC: 2TC**

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một chuyên ngành, một bộ phận của khoa học lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là cả một pho lịch sử bằng vàng”. Đó chính là tính khoa học, cách mạng, giá trị thực tiễn sâu sắc trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng; là sự lãnh đạo đúng đắn, đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ do lịch sử đặt ra; những kinh nghiệm, bài học có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam và những truyền thống vẻ vang của Đảng. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng không chỉ nắm vững những sự kiện, cột mốc lịch sử mà cần thấu hiểu những vấn đề phong phú đó trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ đó vận dụng, phát triển trong thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.

### **13.6 Tiếng Anh 1 Mã môn học: 003137 TC: 4TC**

Học phần Tiếng Anh.1 là học phần chính thức đầu tiên trong chương trình đào tạo Tiếng Anh hướng tới chuẩn đầu ra tương đương bậc 3/6 (đã được quy định theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ GD-ĐT ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) của trường Đại học Điện lực. Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ về các chủ đề quen thuộc trong đời sống, công việc, học tập hàng ngày như giao tiếp hàng ngày, mua sắm, du lịch, công sở, trải nghiệm sống... giúp người học có thể xử lý hầu hết các tình huống phát sinh khi đến khu vực nói Tiếng Anh với điều kiện người nói sử dụng ngôn ngữ rõ ràng, chuẩn xác. Kết thúc học phần, người học có năng lực tiếp tục học phần Tiếng Anh.2

### **13.7 Tiếng Anh 2 Mã môn học: 003144 TC: 4TC**

Học phần Tiếng Anh B1.2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cho sinh viên chính quy Đại học Điện lực nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra trình độ tương đương bậc 3/6 (KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam đã được quy định theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ GD-ĐT) gồm 15 nội dung. Mỗi nội dung bao gồm: ngữ pháp, ngữ âm và các nội dung thực hành toàn diện 4 Ngữ dụng, nói, đọc, viết thông qua các bài học đa dạng về chủ đề và loại hình bài tập

### **13.8. Giáo dục thể chất Mã môn học: 000801,000808,000813,000816 TC: 4TC**

Thực hiện theo Quyết định số 1547/QĐ-ĐHĐL ngày 04/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực về Chương trình môn học giáo dục thể chất dùng cho hệ đại học. Chương trình cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội cho sinh viên với tinh thần, thái độ tự giác, tích cực. Giúp người học nhận thức tầm quan trọng của việc rèn luyện thân thể và phát triển thể chất cho bản thân. Biết được một số nội dung cơ bản về lý luận và phương pháp thể dục thể thao, y học thể thao, sinh lý học vận động, kiến thức về phương pháp tập luyện, rèn luyện thể chất một số môn thể thao cơ bản.

### **13.9. Giáo dục quốc phòng Mã môn học: 000785, 000788, 000791, 003788 TC: 11TC**

Thực hiện theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ GD&ĐT về Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học. Chương trình cung cấp những kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Bước đầu làm quen với tác phong, nề nếp, các chế độ sinh hoạt, học tập trong môi trường quân đội, có ý thức tổ chức kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, cộng đồng ở trường, lớp.

**13.10 Toán cao cấp 2 Mã môn học: 0004546 TC: 3TC**

Học phần giúp sinh viên hiểu được những kiến thức nền tảng ban đầu của Giải tích thực một biến và nhiều biến: giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, tích phân, tích phân suy rộng, tích phân bội, tích phân đường, chuỗi số, chuỗi hàm, phương trình vi phân và ứng dụng các kiến thức này để giải một số bài toán trong kinh tế, kỹ thuật.

**13.11 Xác suất thống kê Mã môn học: 003657 TC: 2TC**

Học phần được chia làm hai phần: Phần Lý thuyết xác suất: trình bày những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất bao gồm các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên, các đặc trưng của biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối của biến ngẫu nhiên, từ đó hiểu được tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Áp dụng giải các bài toán ứng dụng trong kinh tế, kỹ thuật và thực tế. Phần Thống kê toán: sử dụng các công cụ toán cao cấp và lý thuyết xác suất để nghiên cứu những kiến thức cơ bản về thống kê bao gồm cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, các phương pháp ước lượng tham số và bài toán kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề kinh tế. Áp dụng giải các bài toán ứng dụng trong kinh tế, kỹ thuật và thực tế.

**13.12 Ứng dụng CNTT cơ bản Mã môn học: 004547 TC: 3TC**

Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản là một học phần mang tính ứng dụng, nội dung học phần được xây dựng theo các các mô đun quy định tại Khoản 1 Điều 2 về “Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản” của Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ thông tin và truyền thông.

**13.13 Pháp luật đại cương Mã môn học: 002018 TC: 2TC**

Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Bao gồm những nội dung cơ bản sau đây: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu môn học khác. Phổ biến những quy định của pháp luật thực định trong một số lĩnh vực như: hiến pháp, hình sự, dân sự, hành chính, phòng chống tham nhũng.

**13.14 Năng lượng cho phát triển bền vững Mã môn học: 004552 TC: 2TC**

Học phần gồm các nội dung: Các chính sách phát triển năng lượng, xu hướng chuyển dịch năng lượng trên thế giới và Việt Nam; Các khái niệm cơ bản về hệ thống năng lượng; Nhu cầu sử dụng năng lượng; Các cơ quan quản lý năng lượng Việt Nam; Cấu trúc hệ thống điện Việt Nam; Sơ đồ quản trị các nhà máy điện, công nghệ sản xuất điện và các phương pháp lưu trữ điện năng; Khái niệm về biến đổi khí hậu và phát triển năng lượng bền vững bảo vệ môi trường.

**13.15 Quản trị học Mã môn học: 002244 TC: 3TC**

Học phần cung cấp những khái niệm chung về quản trị, các nội dung về nhà quản trị, môi trường quản trị, các tư tưởng quản trị và các lý thuyết liên quan đến bốn chức năng cơ bản của quản trị bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Đồng thời, học phần đề cập đến các nội dung căn bản trong việc ra quyết định, văn hóa tổ chức. Việc hiểu biết các nội dung trên cùng với nắm vững các nguyên lý cơ bản của bốn

chức năng quản trị sẽ giúp người học vận dụng hiệu quả vào công việc liên quan tới quản trị trong tổ chức, doanh nghiệp.

**13.16 Kinh tế vi mô Mã môn học: 001216 TC: 3TC**

Học phần trang bị kiến thức về các đối tượng trong nền kinh tế, luật cung cầu, lợi ích chi phối hành vi người tiêu dùng, quyết định của nhà sản xuất trên cơ sở nguồn lực, đặc thù của từng loại cấu trúc thị trường và quyết định của doanh nghiệp, quyết định về sử dụng nguồn lực của doanh nghiệp, những thất bại của thị trường và vai trò của Chính phủ.

**13.17 Kinh tế vĩ mô Mã môn học: 001223 TC: 2TC**

Học phần cung cấp các khái niệm, phương pháp đo lường một số chỉ tiêu vĩ kinh tế vĩ mô cơ bản; xem xét các thành phần cấu thành tổng cầu; phân tích mối quan hệ giữa tổng cung và tổng cầu; nghiên cứu các quan hệ trên thị trường tiền tệ; giới thiệu bản chất và tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô cơ bản như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ; thất nghiệp, lạm phát.

**13.18 Tài chính-tiền tệ Mã môn học: 002354 TC: 2TC**

Học phần Tài chính tiền tệ trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về tài chính, tiền tệ, lãi suất, lạm phát trong nền kinh tế thị trường. Cụ thể, học phần cung cấp những kiến thức liên quan đến hoạt động

**13.19 Thống kê ứng dụng trong kinh doanh Mã môn học: 004557 TC: 3TC**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thu thập, tổng hợp, trình bày dữ liệu thống kê liên quan đến các vấn đề trong kinh doanh; trình bày các phương pháp, các kỹ năng tính toán, phân tích, dự báo, suy diễn từ số liệu, dữ liệu thu thập được.

**13.20 Nguyên lý kế toán Mã môn học: 001838 TC: 3TC**

Học phần Nguyên lý kế toán là học phần cơ sở cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các nguyên lý kế toán chung, các nguyên tắc kế toán các phương pháp kê toán, hạch toán được các quá trình cơ bản : quá trình mua hàng, quá trình sản xuất, quá trình tiêu thụ; hiểu và vận dụng được cách lập chung về hai báo cáo tài chính cơ bản, hiểu các hình thức sổ kế toán và vận dụng trong công tác kế toán doanh nghiệp

**13.21 Quản lý tài chính Mã môn học: 002208 TC: TC**

Học phần Quản lý tài chính là học phần cơ sở cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về quản lý tài chính trong doanh nghiệp nói chung, vận dụng hiểu biết để đưa ra quyết định tài chính đúng đắn, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp và đảm bảo an toàn về mặt tài chính

**13.22 Phương pháp tối ưu trong kinh tế Mã môn học: 004723 TC: 2TC**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mô hình hóa bài toán, nắm được các phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính và bài toán đối ngẫu, mô hình mạng và lý thuyết ra quyết định. Trang bị cho sinh viên kỹ năng chuyển các tình huống thực tế trong quản lý kinh tế thành dạng mô hình toán học, từ đó giúp đưa ra quyết định tối ưu trong kinh doanh. Ngoài ra, môn học cung cấp cho sinh viên một số phần mềm giải các bài toán quy hoạch tối ưu

**13.23 Lập trình Python Mã môn học: 003881 TC: 2TC**

Lập trình Python là học phần tự chọn cho sinh viên khối kinh tế. Học phần này cung cấp các kiến thức trong ngôn ngữ lập trình Python như kiểu dữ liệu, toán tử, biểu thức, vòng lặp, hàm, module. Khi kết thúc học phần, sinh viên cài đặt được một số chương trình cơ bản và ứng dụng Python cơ bản.

**13.24 Kinh doanh và Công nghệ (BT-ACCA Diploma) Mã môn học: 004764 TC: 2TC**

Học phần Kinh doanh và công nghệ trang bị cho người học những kiến thức nền tảng và giúp người học có cái nhìn tổng quan nhất về môi trường kinh doanh cũng như tác động của nó tới tổ chức và bộ phận kế toán. Bên cạnh đó, môn học cũng giúp người học hiểu rõ hơn về vai trò của kế toán và các bộ phận chủ chốt trong việc xây dựng tổ chức hiệu quả và đạo đức của một doanh nghiệp, từ đó hướng người học tiếp cận tới những nguyên lý quản trị doanh nghiệp hiệu quả.

**13.25 Kế toán tài chính 1 Mã môn học: 001065 TC: 4TC**

Học phần Kế toán tài chính 1 trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán tài chính trong doanh nghiệp. Giúp cho người học hiểu được: « kế toán là quá trình thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế-tài chính của đơn vị » dựa trên các nguyên tắc nhất định. Sau khi học xong học phần Kế toán tài chính 1, người học có thể hiểu, vận dụng các nguyên tắc kế toán vào một số phần hành kế toán cơ bản như: kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán vốn bằng tiền và thanh toán, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản xuất sản phẩm. Đồng thời môn học này còn kết nối kiến thức với các môn học khác.

**13.26 Kế toán tài chính 2 Mã môn học: 001069 TC: 4TC**

Học phần Kế toán tài chính 2 trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán tài chính trong doanh nghiệp. Giúp cho người học hiểu, vận dụng các nguyên tắc kế toán vào các phần hành kế toán như: phần hành kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh, phần hành kế toán nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Sau khi học xong phần hành này, người học biết các lập, đọc hiểu báo cáo tài chính cơ bản, đây là tiền đề để có thể nắm những kiến thức về hợp nhất kinh doanh, quy trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, có những kỹ năng lập báo cáo tài chính hợp nhất và có cái nhìn tổng quan về tập đoàn kinh tế. Đồng thời môn học này còn kết nối kiến thức với các môn học khác.

**13.27 Kế toán quản trị Mã môn học: 001044 TC: 3TC**

Học phần Kế toán quản trị trang bị cho người học các kỹ năng giải quyết các vấn đề về mặt kỹ thuật của kế toán quản trị như: phân loại chi phí, phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng- lợi nhuận, phân bổ chi phí của bộ phận phục vụ, lập và phân tích báo cáo bộ phận, lập dự toán sản xuất kinh doanh, tính chi phí tiêu chuẩn và tính biến động chi phí, phân tích biến động chi phí, kế toán trách nhiệm, định giá sản phẩm, phân tích thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định. Từ đó, giúp cho người học hiểu được lý do tại sao nhà quản lý cần thông tin của kế toán quản trị và làm thế nào để nhà

quản lý sử dụng thông tin kế toán quản trị, đồng thời người học sẽ có khả năng lập và phân tích các báo cáo của kế toán quản trị, có khả năng đưa ra các quyết định phục vụ cho việc hoạch định, tổ chức điều hành, kiểm soát và ra quyết định của nhà quản lý.

### **13.28 Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (FFA - ACCA Diploma)**

**Mã môn học: 004686**

**TC: 4TC**

Học phần trang bị cho sinh viên các nguyên tắc cơ bản của khung pháp lý liên quan đến việc lập, trình bày các tài khoản kế toán và các đặc điểm định tính của thông tin kế toán hữu ích; soạn thảo báo cáo tài chính và các nguyên tắc chuẩn bị các tài khoản kế toán; tập trung chuyên sâu vào việc ghi chép, xử lý và báo cáo các giao dịch và sự kiện kinh doanh; lập bảng cân đối tài khoản, cách xác định và sửa các sai sót, sau đó là lập, trình bày báo cáo tài chính cho các doanh nghiệp đơn lẻ.

### **13.29 Kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp Mã môn học: 004688 TC: 4TC**

Học phần Kiểm toán căn bản là học phần ngành bắt buộc đối với ngành Kiểm toán, cung cấp kiến thức cơ bản về Kiểm toán để sinh viên tiếp tục học các học phần chuyên ngành sâu về kiểm toán tài chính, kiểm toán nội bộ và kiểm toán hoạt động. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của kiểm toán các bước tổ chức một cuộc kiểm toán, tổ chức bộ máy kiểm toán, hiểu báo cáo kiểm toán, nội dung thực hiện cuộc kiểm toán báo cáo tài chính. Học phần cung cấp phương pháp chung của kiểm toán và chuẩn mực kiểm toán để giúp người học có được cơ sở đánh giá về các vấn đề được phát hiện trong quá trình thực hiện kiểm toán. Học phần tích hợp nội dung của chuyên đề Kiểm toán trong chương trình ACCA Diploma. Học phần cũng hướng dẫn sử dụng chuẩn mực nghề nghiệp, có kỹ năng phân tích, đánh giá rủi ro, rèn tư duy thận trọng, thái độ hoài nghi nghề nghiệp trong hoạt động kiểm toán, từ đó cung cấp các báo cáo kiểm toán đáp ứng yêu cầu của người sử dụng.

### **13.30 Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán Mã môn học: 004869**

**TC: 4TC**

Học phần Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản cũng như nâng cao về Excel và ứng dụng của excel trong lĩnh vực kinh tế quản lý, về thông tin kế toán, hệ thống thông tin kế toán, công tác thiết kế, tổ chức dòng thông tin kế toán được xử lý trong điều kiện thủ công và trên máy vi tính. Không những vậy, học phần này còn trang bị những kiến thức giúp sinh viên biết cách xử lý số liệu đầu vào để ghi sổ, lập báo cáo kế toán trên Excel và trên phần mềm kế toán Misa; nắm bắt nguyên lý để xử lý số liệu đầu vào, phân loại và tra cứu thông tin kế toán trên Excel và phần mềm kế toán Misa, làm cơ sở cho công việc thực tế sau này.

### **13.31 Tiếng Anh chuyên ngành kế toán Mã môn học: 003212 TC: 3TC**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kế toán nói chung: nghề kế toán và sự khác biệt của nghề kế toán với công việc ghi chép số liệu, lập và phân tích báo cáo tài chính; phân tích các chỉ số tài chính; tìm hiểu các nguyên tắc trong lập báo cáo tài chính; tìm hiểu kế toán tài chính và kế toán quản trị; khám phá công việc kiểm toán.

**13.32 Phân tích kinh doanh Mã môn học: 004695 TC: 3TC**

Học phần cung cấp kiến thức về phân tích hoạt động kinh doanh, trang bị cho người học kiến thức tổng hợp về phân tích ngành, phân tích chiến lược cạnh tranh nhằm xác định các nhân tố chủ yếu tạo ra lợi nhuận và dẫn đến rủi ro kinh doanh. Ngoài ra giúp sinh viên phân tích chiến lược, các bước, các nhân tố trong hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Học phần sử dụng phần mềm phân tích để đánh giá hiệu quả kinh doanh.

**13.33 Thuế và thực hành Mã môn học: 004868 TC: 4TC**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trên góc độ lý thuyết về các sắc thuế lớn trong hệ thống thuế Việt Nam (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế nhà thầu); các quy định về kê khai và quyết toán thuế. Bên cạnh đó, học phần hướng dẫn sinh viên làm quen với phần mềm hỗ trợ kê khai, quyết toán thuế. Sinh viên trực tiếp thực hành kê khai các loại thuế như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế nhà thầu trên máy tính cá nhân của mình. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức và kinh nghiệm về Thuế trong doanh nghiệp nhằm hoạch định thuế trong đầu tư và kinh doanh

**13.34 Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp Mã môn học: 004870 TC: 4TC**

Học phần Tổ chức công tác kế toán cung cấp cho sinh viên quy trình tổ chức bộ máy kế toán, tổ chức công tác kế toán theo các giai đoạn: chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, hệ thống sổ kế toán (sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp), báo cáo kê toán. Giúp sinh viên có khả năng tự tổ chức công tác kế toán được tất các phần hành kế toán, phân công công việc trong bộ máy kế toán theo các hình thức ghi sổ (nhật ký chung, chứng từ ghi sổ...) lập báo cáo báo cáo tài chính, , thực hành kê khai quyết toán thuế TNDN trên phần mềm HTKKT ở các loại hình doanh nghiệp khác nhau. Sinh viên hiểu được trách nhiệm, những công việc của từng thành viên trong bộ máy kế toán từ đó nâng cao ý thức học hỏi, tự chịu trách nhiệm của bản thân sinh viên. Hình thành khả năng làm việc chủ động, độc lập, tự định hướng hoạt động chuyên môn; đủ năng lực tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc trong công tác kế toán.

**13.35 Tài chính doanh nghiệp Mã môn học: 002338 TC: 3TC**

Học phần Tài chính doanh nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp để có thể vận dụng nhằm giải quyết các vấn đề tài chính doanh nghiệp như nội dung – vai trò – các mối quan hệ của tài chính doanh nghiệp; quản lý doanh thu – chi phí - lợi nhuận; công tác huy động vốn, sử dụng vốn và quản trị vốn của doanh nghiệp như nào có hiệu quả cao nhất; hiểu rõ hơn về các nguồn vốn được sử dụng trong doanh nghiệp như nguồn vốn ngắn hạn, nguồn vốn dài hạn. Bên cạnh đó, môn học cung cấp các kiến thức về chính sách phân phối lợi nhuận như chính sách ổn định cổ tức và chính sách thặng dư cổ tức để phân phối cổ tức để mang lại hiệu quả cao nhất cho công ty.



**13.36 Luật kinh tế****Mã môn học: 001506****TC: 2TC**

Nội dung môn học Luật kinh tế được biên soạn theo chương trình khung dành cho hệ đại học, cao đẳng đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đảm bảo tính liên thông giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Bao gồm những nội dung cơ bản sau đây: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Hoạt động kinh doanh; Chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh; Hợp đồng trong hoạt động kinh doanh; Phương thức giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh; Giải thể; Phá sản Doanh nghiệp và Hợp tác xã làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu môn học khác; Phổ biến những quy định của pháp luật thực định trong một số lĩnh vực như: Luật đầu tư; Luật doanh nghiệp; Luật thương mại; Luật bảo vệ người tiêu dùng; Pháp luật thuế

**13.37 Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính Mã môn học: 004692 TC: 3TC**

Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về lập, đọc, trình bày báo cáo tài chính, từ đó phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp, tổ chức, nhằm cung cấp những thông tin cần thiết giúp các đối tượng sử dụng thông tin đánh giá khách quan về sức mạnh tài chính của doanh nghiệp, khả năng sinh lời và triển vọng phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**13.38 Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán Mã môn học: 004681 TC: 3TC**

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng nghiên cứu khoa học cơ bản về nội dung thuộc lĩnh vực kế toán của ngành kế toán, giúp sinh viên nhận thức sâu sắc hơn về nội dung công tác hạch toán kế toán tài chính trong doanh nghiệp; nắm bắt được thực tế trong chuyên ngành kế toán, sinh viên có thể thực hiện tại một đơn vị cụ thể hoặc trong một dự án triển khai cụ thể trong chuyên ngành Kế toán. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên phải chọn một chủ đề thuộc lĩnh vực kế toán tài chính và kiểm toán, từ đó hình thành cách giải quyết chủ đề đó một cách khoa học, biết tổng hợp những vấn đề lý luận đã học theo chủ đề cụ thể đồng thời biết phân tích và đưa ra những quan điểm riêng về vấn đề đã lựa chọn. Giảng viên có trách nhiệm hỗ trợ về mặt chuyên môn và giám sát quá trình nghiên cứu và viết Đề án.

**13.39 Kiểm soát quản lý****Mã môn học: 004864****TC: 3TC**

Học phần Kiểm soát quản lý là học phần chuyên ngành của ngành Kiểm toán và học phần chuyên ngành tự chọn của ngành Kế toán. Học phần trang bị cho người học tổng quan về kiểm soát quản lý, những nội dung của kiểm soát trong chu trình quản lý của tổ chức. Học phần định hướng người học đến kiểm soát kết quả tài chính và hệ thống đánh giá, kiểm soát nội bộ và những vấn đề liên quan đến doanh nghiệp. Các vấn đề quản trị doanh nghiệp được gắn với vai trò kiểm soát và cách thức đo lường, đánh giá được cung cấp tổng quan trong nội dung học phần. Từ đó, giúp người học có được tính độc lập, tự chủ và chịu trách nhiệm và tinh thần tích cực, định hướng mục tiêu trong việc thực hiện các công việc được giao trong tổ chức.

**13.40 Quản lý nhân lực****Mã môn học: 002176****TC: 3TC**

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, thách thức và các hoạt động của quản lý nguồn nhân lực ví dụ như hoạch định nguồn nhân lực trong doanh nghiệp, tuyển dụng và lựa chọn nhân lực quan hệ lao động và cách quản lý xung đột trong tổ chức....Người học có thể lên kế hoạch nguồn nhân lực, xây dựng thiết kế hệ thống thông tin nguồn nhân lực, ứng dụng của hệ thống thông tin nguồn nhân lực trong quản lý nguồn nhân lực

**13.41 Tài chính cá nhân ứng dụng Mã môn học: 004698 TC: 3TC**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Tài chính cá nhân như tầm quan trọng của hoạch định TCCN, các công cụ hoạch định TCCN, nhận ra tình hình tài chính của bản thân và quản lý được dòng tiền thu, chi, quản lý nợ một cách hợp lý. Môn học cung cấp các kỹ năng cần thiết để cá nhân đưa ra các quyết định đầu tư trong ngắn hạn và dài hạn, hiểu và kiểm soát rủi ro, đảm bảo an toàn, tự do tài chính trong tương lai.

**13.42 Khởi sự kinh doanh Mã môn học: 004722 TC: 3TC**

Môn học cung cấp cho người học những vấn đề cốt yếu cho việc khởi sự kinh doanh ví dụ như kế sách, công nghệ, marketing, tài chính, ... Người học có thể tự lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp, triển khai nội dung chi tiết và thực hành lập kế hoạch khởi sự kinh doanh.

**13.43 Hệ thống thông tin và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp**

**Mã môn học: 004835 TC: 4TC**

Học phần cung cấp những khái niệm về hệ thống thông tin nhằm mục đích quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các hệ thống cụ thể sẽ được phân tích và giới thiệu để sinh viên có thể biết và sử dụng trong công tác điều hành các bộ phận công tác, ví dụ như hệ thống thông tin nhân lực, hệ thống thông tin quản lý sản xuất, ...

**13.44 Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt Mã môn học: 004863 TC: 4TC**

Học phần này trang bị cho sinh viên những nội dung về đặc thù kinh doanh, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán trong các loại hình doanh nghiệp: Kế toán doanh nghiệp thương mại, kinh doanh xuất nhập khẩu, kế toán du lịch, kế toán dịch vụ vận tải và kế toán xây lắp, kế toán trong ngành điện. Học phần giúp sinh viên mở rộng kiến thức, hiểu biết rõ về đặc điểm hoạt động kinh doanh của các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế, từ đó ảnh hưởng tới công tác hạch toán kế toán, đồng thời thực hiện được việc tổ chức công tác kế toán, hạch toán trong các doanh nghiệp. Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng đáp ứng được vị trí công việc kế toán trong nhiều loại hình doanh nghiệp với nhiều ngành nghề của nền kinh tế.

**13.45 Kế toán công Mã môn học: 004684 TC: 3TC**

Học phần Kế toán Công trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán trong các đơn vị công; giúp người học có thể vận dụng vào thực tiễn để tổ chức công tác kế toán,

sử dụng các thông tin kế toán cho việc quản lý các tổ chức đơn vị. Sau khi học xong học phần Kế toán công, sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về: Tổ chức các phần hành kế toán trong đơn vị công, phân tích nguồn thu – chi tại đơn vị, từ đó đọc hiểu các Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán kinh phí của đơn vị công.

#### **13.46 Kế toán chi phí Mã môn học: 001010 TC: 3TC**

Học phần Kế toán chi phí là học phần bắt buộc đối với ngành Kế toán, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán chi phí và giá thành sản phẩm, dịch vụ tại doanh nghiệp để sinh viên tiếp tục học các học phần chuyên ngành sâu về kế toán như kế toán quản trị, kế toán tài chính... Học phần trang bị trang bị những kiến thức cơ bản về chi phí và giá thành; các phương pháp ước lượng chi phí trong doanh nghiệp; mối quan hệ giữa chi phí, sản lượng và lợi nhuận; phương pháp kế toán chi phí truyền thống và hiện đại... giúp sinh viên có kỹ năng tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại một loại hình doanh nghiệp cụ thể; tăng cường nhận thức được mối liên hệ giữa kế toán chi phí với các môn kế toán khác

#### **13.47 Thực hành môn học kế toán doanh nghiệp Mã môn học: 002690 TC: 4TC**

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về: Lập và quản lý chứng từ; Lập sổ kế toán; Lập Báo cáo tài chính; Kê khai và quyết toán thuế; Phân tích báo cáo tài chính. Thời gian thực hành 4 tuần, sinh viên được cung cấp tư liệu, phân nhóm 5-6 sinh viên/nhóm thực hiện thực hành kế toán, thuế, phân tích trên Excel và phần mềm.

#### **13.48 Quản lý chi phí và tài chính (MA2 - ACCA Diploma) Mã môn học: 004697 TC: 4TC**

Học phần Quản lý chi phí và tài chính là một học phần trong chương trình học của chứng chỉ quốc tế FIA (Foundation in Accountancy) do Hội kế toán công chứng Anh (ACCA) cấp với tài liệu học và thi bằng Tiếng Anh. Học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức và hiểu biết về các nguyên tắc và kỹ thuật được sử dụng trong việc ghi chép, phân tích và báo cáo chi phí & doanh thu cho quản trị nội bộ, bao gồm thông tin phục vụ cho công tác quản trị, ghi chép chi phí, kỹ thuật tính toán chi phí, ra quyết định và quản lý tiền mặt. Hoàn thành xong học phần này, sinh viên có thể đăng ký thi theo lộ trình học và thi của chứng chỉ FIA.

#### **13.49 Kế toán quản trị chuyên sâu (FMA-ACCA Diploma) Mã môn học: 001048 TC: 3TC**

Học phần Kế toán quản trị chuyên sâu trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng và kỹ thuật tiên tiến trong lĩnh vực kế toán quản trị như: Thẻ điểm cân bằng, quản trị quan hệ khách hàng, quản trị hiệu quả theo quá trình, quản trị chi phí theo chu kỳ sống, kế toán quản trị môi trường, các vấn đề về quản lý hành vi và tổ chức trong hệ thống quản trị và kiểm soát. Từ đó, giúp người học có khả năng vận dụng các công cụ kế toán quản trị hiệu quả và phù hợp tại đơn vị, giúp người học có thể thiết kế hệ thống thông tin kế toán quản trị tối ưu cho tổ chức, giúp người học lập các báo cáo kế toán quản trị phục vụ cho công tác kiểm soát và ra quyết định quản trị.

### **13.50 Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong tổ chức Mã môn học: 004687 TC: 3TC**

Học phần Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro là học phần chuyên ngành của ngành Kiểm toán và chuyên ngành Kế toán và kiểm soát. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp gồm khung kiểm soát nội bộ theo COSO, những vấn đề gian lận trong tổ chức và nghiên cứu về gian lận. Kiểm soát những chu trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp được mô tả chi tiết, giúp người học hiểu về chu trình và quy trình, thủ tục kiểm soát. Đồng thời, học phần trang bị về nhận thức rủi ro một cách hệ thống, cách thức quản trị rủi ro cũng như mối liên hệ giữa quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ trong tổ chức. Học phần cung cấp có kỹ năng phát hiện các gian lận, nhận diện rủi ro trong các chu trình kinh doanh chủ yếu và đưa ra các biện pháp xử lý, giảm thiểu rủi ro trong doanh nghiệp. Từ đó, giúp người học có được tính độc lập, tự chủ và chịu trách nhiệm và tinh thần tích cực, định hướng mục tiêu trong việc thực hiện các công việc được giao trong tổ chức.

### **13.51 Thực hành kế toán và kiểm soát Mã môn học: 002676 TC: 4TC**

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản thuộc hai lĩnh vực: kế toán quản trị và kế toán tài chính trong tổ chức như lập và quản lý chứng từ, sổ kế toán, báo cáo tài chính và hệ thống các báo cáo kế toán quản trị. Từ đó giúp sinh viên nhận thức sâu sắc hơn về nội dung công tác hạch toán kế toán tài chính và kế toán quản trị trong doanh nghiệp; nắm bắt được thực tế trong chuyên ngành kế toán và kiểm soát. Thời gian thực hành 4 tuần, sinh viên được cung cấp tư liệu, phân nhóm 5-6 sinh viên/nhóm thực hiện thực hành kế toán trên Excel và phần mềm.

### **13.52 Thực tập tốt nghiệp Mã môn học: 004573 TC: 4TC**

Sinh viên được đi thực tập, tìm hiểu công việc thực tế tại đơn vị cụ thể. Mỗi sinh viên sẽ có 01 giảng viên hướng dẫn tại trường. Giáo viên hướng dẫn là người hướng dẫn và giám sát sinh viên trong việc chấp hành các quy định của nhà trường về thực tập cũng như tính chất khoa học của báo cáo thực tập tốt nghiệp. Giảng viên hướng dẫn chấp thuận báo cáo, phê duyệt đề cương và giải thích cho sinh viên về các thắc mắc dưới góc độ học thuật, đánh giá báo cáo và kết quả thực tập của sinh viên theo các tiêu chuẩn chung của nhà trường. Kỳ thực tập kéo dài 8 tuần. Cuối thời gian thực tập, sinh viên phải viết báo cáo về quá trình thực tập của mình.

### **13.53 Khóa luận tốt nghiệp Mã môn học: 004592 TC: 7TC**

Học phần Khóa luận tốt nghiệp của ngành Kế toán nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng tìm kiếm và tổng hợp tài liệu trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên phải chọn một chủ đề thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán, từ đó hình thành cách giải quyết chủ đề một cách khoa học, biết tổng hợp những vấn đề lý luận đã học theo chủ đề cụ thể. Đồng thời biết phân tích và đưa ra những quan điểm riêng về vấn đề đã lựa chọn trong thời gian thực tập tốt nghiệp. Giảng viên có trách nhiệm hỗ trợ về mặt chuyên môn và giám sát quá trình nghiên cứu và viết khóa luận.

### **13.54 Ghi chép nghiệp vụ tài chính cơ bản (FA1 - ACCA Diploma)**

**Mã môn học: 004733 TC: 2TC**

Học phần Ghi chép nghiệp vụ tài chính cơ bản (FA1 - ACCA Diploma) là một học phần định hướng nghề nghiệp chuyên nghiệp trong chương trình FIA (Foundation in Accountancy – ACCA Diploma), một chương trình nền tảng về kế toán do Hội kế toán công chứng Anh ACCA phát triển từ năm 2011 với tài liệu học và thi bằng Tiếng Anh. Học phần giúp sinh viên có kiến thức nền tảng về các loại giấy tờ giao dịch chính trong hoạt động kinh doanh cũng như cách chúng được ghi nhận trong hệ thống kế toán đến bảng cân đối thử. Hoàn thành xong học phần này, sinh viên có thể đăng ký thi theo lộ trình học và thi của chứng chỉ FIA – ACCA Diploma.

**13.55 Quản lý thông tin chi phí trong tổ chức (MA1- Diploma)****Mã môn học: 004734 TC: 2TC**

Học phần Quản lý thông tin chi phí trong tổ chức (MA1 – ACCA Diploma) là một học phần định hướng nghề nghiệp trong chương trình học chứng chỉ quốc tế FIA (Foundation In Accountancy) do Hội kế toán công chứng Anh (ACCA) cấp với tài liệu học và thi bằng Tiếng Anh. Học phần cung cấp kiến thức và hiểu biết về việc quản lý thông tin chi phí trong tổ chức. Học phần còn giúp sinh viên có thể phân loại, đo lường và ghi nhận chi phí một cách đúng đắn nhất. Từ đó, có thể hỗ trợ nhà quản lý trong việc lập kế hoạch và ra quyết định. Hoàn thành xong học phần này, sinh viên có thể đăng ký thi theo lộ trình học và thi của chứng chỉ FIA – ACCA Diploma.

**13.56 Các nguyên tắc kế toán căn bản (FA2 - ACCA Diploma)****Mã môn học: 004735 TC: 2TC**

Đây là một học phần trong chương trình học của chứng chỉ quốc tế FIA (Foundation in Accountancy) do Hội kế toán công chứng Anh (ACCA) cấp với tài liệu học và thi bằng Tiếng Anh. Học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức và hiểu biết về các nguyên tắc và khái niệm cơ bản liên quan đến việc duy trì hồ sơ tài chính và thành thạo kỹ thuật trong việc sử dụng các kỹ thuật kế toán bút toán kép bao gồm cả việc lập báo cáo tài chính cơ bản. Hoàn thành xong học phần này, sinh viên có thể đăng ký thi theo lộ trình học và thi của chứng chỉ FIA – ACCA Diploma

**13.57 Kiểm toán căn bản (FAU- ACCA Diploma) Mã môn học: 004736 TC: 3TC**

Học phần Kiểm toán căn bản là Đây là một học phần định hướng nghề nghiệp chuyên nghiệp trong chương trình FAU (Foundations in Audit– ACCA Diploma), một chương trình nền tảng về kiểm toán do Hội kế toán công chứng Anh ACCA phát triển với tài liệu học và thi bằng Tiếng Anh. Học phần giúp sinh viên phát triển các kiến thức nền tảng về các bản chất và mục tiêu của kiểm toán, quy trình kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán theo thông lệ quốc tế chung. Học phần trong chương trình này được xem là học phần nền tảng, là cầu nối để nhiều sinh viên có thể theo đuổi chứng chỉ ACCA. Hoàn thành xong học phần này, sinh viên có thể đăng ký thi theo lộ trình của chứng chỉ FAU – ACCA Diploma.

**13.58 Cơ sở Quản lý tài chính (FFM - ACCA Diploma) Mã môn học: 004737 TC: 3TC**

Học phần định hướng nghề nghiệp chuyên nghiệp trong chương trình Foundations in financial management (FFM)-ACCA Diploma, một chương trình nền tảng về tài chính do Hội kế toán công chứng Anh ACCA phát triển từ năm 2011 với tài liệu học bằng tiếng Anh. Học phần này giới thiệu cho người đọc những cách khác nhau để quản lý tài chính trong một tổ chức nhằm mục đích nâng cao hiệu quả kinh doanh. Học phần cung cấp các kiến thức về lập kế hoạch, kiểm soát dòng tiền trong ngắn hạn và dài hạn, cách quản lý các quyết định đầu tư vốn và quản lý tín dụng thương mại. Ngoài ra, học phần còn ứng dụng công nghệ số phù hợp trong hoạt động đầu tư, quản lý dòng tiền, theo dõi công nợ phải thu, quản lý số dư tiền mặt tại doanh nghiệp. Học phần trong chương trình này được xem là học phần nền tảng, cầu nối để nhiều sinh viên có thể theo đuổi chứng chỉ ACCA. Hoàn thành xong học phần này, sinh viên có thể đăng ký thi theo lộ trình của chứng chỉ ACCA Diploma.

**13.59 Quản lý chi phí và tài chính (MA2 - ACCA Diploma) Mã môn học: 004697  
TC: 3TC**

Học phần Managing costs and finances - Quản lý chi phí và tài chính là một học phần trong chương trình học của chứng chỉ quốc tế FIA (Foundation in Accountancy) do Hội kế toán công chứng Anh (ACCA) cấp với tài liệu học và thi bằng Tiếng Anh. Học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức và hiểu biết về các nguyên tắc và kỹ thuật được sử dụng trong việc ghi chép, phân tích và báo cáo chi phí & doanh thu cho quản trị nội bộ, bao gồm thông tin phục vụ cho công tác quản trị, ghi chép chi phí, kỹ thuật tính toán chi phí, ra quyết định và quản lý tiền mặt. Hoàn thành xong học phần này, sinh viên có thể đăng ký thi theo lộ trình học và thi của chứng chỉ ACCA Diploma.

**13.60 Kế toán quản trị chuyên sâu (FMA-ACCA Diploma) Mã môn học: 001048  
TC: 3TC**

Học phần Kế toán quản trị chuyên sâu trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng và kỹ thuật tiên tiến trong lĩnh vực kế toán quản trị như: Thẻ điểm cân bằng, quản trị quan hệ khách hàng, quản trị hiệu quả theo quá trình, quản trị chi phí theo chu kỳ sống, kế toán quản trị môi trường, các vấn đề về quản lý hành vi và tổ chức trong hệ thống quản trị và kiểm soát. Từ đó, giúp người học có khả năng vận dụng các công cụ kế toán quản trị hiệu quả và phù hợp tại đơn vị, giúp người học có thể thiết kế hệ thống thông tin kế toán quản trị tối ưu cho tổ chức, giúp người học lập các báo cáo kế toán quản trị phục vụ cho công tác kiểm soát và ra quyết định quản trị.

**13.61 Kỹ năng quản lý và lãnh đạo Mã môn học: 004691 TC: 2TC**

Học phần kỹ năng quản lý và lãnh đạo cung cấp kiến thức về nền tảng kinh doanh của doanh nghiệp, kiến thức về quản lý và kỹ năng cần thiết; làm việc nhóm hiệu quả; lãnh đạo và tạo động lực trong công việc; và giải quyết vấn đề và ra quyết định. Học phần bao gồm 5 nội dung chính: Nền tảng kinh doanh của doanh nghiệp; Nhà quản lý và các kỹ năng cần thiết; Làm việc nhóm và quản lý nhóm hiệu quả; Lãnh đạo và tạo động lực; Giải quyết vấn đề và ra quyết định

**13.62 Kiến tập hệ kế toán Mã môn học: 004738 TC: 2TC**

Kiến tập hệ về Kế toán là học phần định hướng nghề nghiệp, áp dụng đối với các em sinh viên năm thứ 3 hệ đào tạo cử nhân kế toán. Học phần giúp sinh viên hòa nhập, hiểu rõ các hoạt động, nghiệp vụ trong các doanh nghiệp có liên quan đến công tác Kế toán. Giúp sinh viên ứng dụng các kiến thức, kỹ năng được học vào quá trình làm công tác kế toán tại doanh nghiệp.

Học phần tạo điều kiện để sinh viên nhận thức rõ về nghề nghiệp, lĩnh vực công tác sau khi tốt nghiệp; củng cố các kiến thức, kỹ năng cần thiết như giao tiếp, xử lý tình huống, quản lý thời gian trong công việc của nghề Kế toán. Từ đó, giúp sinh viên nhận biết, phát hiện những thiếu sót của bản thân để tiếp tục tích lũy, hoàn thiện, phát huy trong các kỳ học tiếp theo tại trường. Đây là hoạt động để sinh viên tích lũy kinh nghiệm, chuẩn bị cho thực hiện học phần tốt nghiệp đạt hiệu quả cao nhất.

#### 14. Điều kiện đảm bảo chất lượng thực hiện chương trình đào tạo

Khoa Kinh tế và Quản lý bao gồm 3 bộ môn: Quản trị kinh doanh, Tài chính - Kế toán và Quản trị du lịch. Hiện khoa có tổng số 60 cán bộ, giảng viên và chuyên gia, trong đó có 07 Phó giáo sư và 19 Tiến sỹ (tỷ lệ 43%), 31 thạc sỹ (57%). Chương trình đào tạo ngành Kế toán có 13 giảng viên cơ hữu.

##### 14.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo/có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình (Bảng 01)

Bảng 01: Đội ngũ giảng viên cơ hữu chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo/có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, CSGD, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng cao nhất	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ghi chú
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Ngô Thành Nam, 03/11/1978	030078004264, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Kinh tế/Kế toán	08/12/2022	x	HC 8605001705	21			
2	Lê Thị Hòa, 27/7/1958	001158005365, Việt Nam	Phó giáo sư, 2004	Tiến sỹ, Việt Nam, 1997	Kế toán	01/03/2021	x		25			



Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, CSGD, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng cao nhất	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ghi chú
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3	Phạm Tiến Bình, 22/3/1948	034048000782, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 1996	Kinh tế/ Kế toán	01/03/2021	x		25			
4	Nguyễn Văn Nghién, 03/01/1957	027057000575, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 1999	Kinh tế	24/05/2022	x		25			
5	Lê Quỳnh Anh, 23/10/1990	0142554323, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Quản trị kinh doanh/ Kế toán	01/10/2012		0113117531	11			

## 14.2. Đội ngũ giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 02 : Đội ngũ giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Ngô Thành Nam	Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán,	004869	Kỳ 2, năm 3	4		Chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT
		Phân tích kinh doanh	004695	Kỳ 2, năm 3	3		
		Thuế và thực hành	004868	Kỳ 1, năm 3	4		
		Nguyên lý kế toán,	001838	Kỳ 1, năm 2	3		
		Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	Kỳ 1, năm 2	3		
2	Lê Thị Hòa	Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán	004681	Kỳ 2, năm 2	3		Phát triển CTĐT
		Khoá luận tốt nghiệp	004592	Kỳ 2, năm 4	7		
3	Phạm Tiến Bình	Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán	004681	Kỳ 2, năm 2	3		Phát triển CTĐT
		Khoá luận tốt nghiệp	004592	Kỳ 2, năm 4	7		
4	Nguyễn Văn Nghién	Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán	004681	Kỳ 2, năm 2	3		Phát triển CTĐT
		Phân tích kinh doanh	004695	Kỳ 2, năm 3	3		
5	Lê Quỳnh Anh	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán,	003212	Kỳ 2, năm 2	3		Chủ trì giảng dạy CTĐT
		Kế toán công,	004684	Kỳ 1, năm 4			
		Kế toán chi phí	001010	Kỳ 2, năm 2	3		
		Kế toán tài chính 1	001065	Kỳ 2, năm 2	4		
		Kế toán tài chính 2	001069	Kỳ 1, năm 3	4		
6		Kế toán quản trị,	001044	Kỳ 1, năm 3	3		Thực hiện CTĐT

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Nguyễn Thị Kim Chi	Kế toán quản trị chuyên sâu	001048	Kỳ 1, năm 4		3	
		Thuế và thực hành	004868	Kỳ 1, năm 3	4		
		Kế toán công	004684	Kỳ 1, năm 4			
		Tiếng Anh chuyên ngành kế toán,	003212	Kỳ 2, năm 2	3		
		Quản lý chi phí và tài chính	004697	Kỳ 2, năm 3		3	
7	Trần Xuân Giao	Quản lý thông tin chi phí trong tổ chức,	004734	Kỳ 2, năm 2		2	Thực hiện CTĐT
		Thực hành kế toán và kiểm soát	002676	Kỳ 1 năm 4	4		
		Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán,	004869	Kỳ 2, năm 3	4		
		Thực hành môn học kế toán doanh nghiệp	002690	Kỳ 1 năm 4	4		
		Kinh doanh và Công nghệ					
		Kế toán chi phí	001010	Kỳ 2, năm 2	3		
8	Vũ Thị Hương	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt,	'004863	Kỳ 2, năm 3	4		Thực hiện CTĐT
		Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính	004692	Kỳ 1, năm 4	3		
		Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	004870	Kỳ 2, năm 3	4		
		Thuế và thực hành	004868	Kỳ 1, năm 3	4		
		Kế toán tài chính 1	001065	Kỳ 2, năm 2	4		
		Kế toán quản trị	001044	Kỳ 1, năm 3	3		
	Trần Thu Huyền	Thuế và thực hành,	004868	Kỳ 1, năm 3	4		Thực hiện CTĐT
		Kế toán công	004684	Kỳ 1, năm 4	3		
		Các nguyên tắc kế toán căn bản	004735	Kỳ 2, năm 2		2	

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Kế toán quản trị	001044	Kỳ 1, năm 3	3		
10	Ngô Thị Hiên	Kế toán công,	004684	Kỳ 1, năm 4			Thực hiện CTĐT
		Nguyên lý kế toán,	001838	Kỳ 1, năm 2	3		
		Thuế và thực hành	004868	Kỳ 1, năm 3	4		
		Kế toán quản trị	001044	Kỳ 1, năm 3	3		
11	Đinh Thị Lan	Nguyên lý kế toán,	001838	Kỳ 1, năm 2	3		Thực hiện CTĐT
		Kế toán tài chính 1	001065	Kỳ 2, năm 2	4		
		Kế toán tài chính 2	001069	Kỳ 1, năm 3	4		
		Kế toán quản trị	001044	Kỳ 1, năm 3	3		
		Kế toán công	004684	Kỳ 1, năm 4	3		
		Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	'004863	Kỳ 2, năm 3	4		
12	Bùi Thị Tuyết	Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	004870	Kỳ 2, năm 3	4		Thực hiện CTĐT
		Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	'004863	Kỳ 2, năm 3	4		
		Kế toán chi phí	001010	Kỳ 2, năm 2	3		
		Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán,	004869	Kỳ 2, năm 3	4		
		Kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp	004688	Kỳ 2, năm 3	4		
		Thuế và thực hành	004868	Kỳ 1, năm 3	4		
		Kế toán tài chính 1	001065	Kỳ 2, năm 2	4		
13	Nguyễn Đức Quang	Kế toán tài chính 2	001069	Kỳ 1, năm 3	4		Thực hiện CTĐT
		Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán,	004681	Kỳ 2, năm 2	3		
		Kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp	004688	Kỳ 2, năm 3	4		

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán,	004869	Kỳ 2, năm 3	4		
		Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	'004863	Kỳ 2, năm 3	4		
14	Nguyễn Tâm Tố	Kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp	004688	Kỳ 2, năm 3	4		Thực hiện CTĐT
		Kiểm soát quản lý	004864	Kỳ 1, năm 4	3		
		Kiểm toán căn bản	004736	Kỳ 2, năm 2		3	
		Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong tổ chức	004687	Kỳ 1, năm 4	3		
15	Bùi Nhật Giang	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt, thuế và thực hành	'004863	Kỳ 2, năm 3	4		Thực hiện CTĐT
		Kế toán chi phí	004868	Kỳ 1, năm 3	4		
		Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs	001010	Kỳ 2, năm 2	3		
		Kế toán quản trị,	004686	Kỳ 1, năm 4	4		
			001044	Kỳ 1, năm 3	3		
16	Ngô Thị Thúy Ngân	Kiểm toán căn bản, ,	004736	Kỳ 2, năm 2		3	Thực hiện CTĐT
		Các nguyên tắc kế toán căn bản	004735	Kỳ 2, năm 2		2	
		Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong tổ chức	004687	Kỳ 1, năm 4	3		
		Phân tích kinh doanh	004695	Kỳ 2, năm 3	3		
		Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	004870	Kỳ 2, năm 3	4		
		Kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp	004688	Kỳ 2, năm 3	4		
17		Ghi chép nghiệp vụ tài chính cơ bản	004733	Kỳ 1, năm 2		2	Thực hiện CTĐT

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Nguyễn Thị Kiều Trang	Kiểm toán căn bản, ,	004736	Kỳ 2, năm 2		3	
		Kiểm soát quản lý	004864	Kỳ 1, năm 3	3		
		Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong tổ chức	004687	Kỳ 1, năm 4	3		
		Kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp	004688	Kỳ 2, năm 3	4		
		Các nguyên tắc kế toán căn bản	004735	Kỳ 2, năm 2		2	
		Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs	004686	Kỳ 1, năm 4	4		
		Tiếng Anh chuyên ngành kế toán,	003212	Kỳ 2, năm 2	3		
18	Nguyễn Ngọc Hiền	Kế toán tài chính 1	001065	Kỳ 2, năm 2	4		Thực hiện CTĐT
		Kế toán tài chính 2	001069	Kỳ 1, năm 3	4		
		Kế toán chi phí	001010	Kỳ 2, năm 2	3		
		Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	'004863	Kỳ 2, năm 3	4		
		Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	004870	Kỳ 2, năm 3	4		
		Kế toán quản trị	001044	Kỳ 1, năm 3	3		
19	Nguyễn Thị Thủy	Cơ sở quản lý tài chính	004737	Kỳ 1, năm 3		3	Thực hiện CTĐT
		Tài chính doanh nghiệp	002338	Kỳ 1, năm 3	3		
		Quản lý tài chính	002208	Kỳ 2, năm 2	3		
20	Phạm Quốc Huân	Cơ sở quản lý tài chính	004737	Kỳ 1, năm 3		3	Thực hiện CTĐT
		Tài chính doanh nghiệp	002338	Kỳ 1, năm 3	3		
		Quản lý tài chính	002208	Kỳ 2, năm 2	3		
21	Nguyễn Quỳnh Anh	Phân tích kinh doanh	004695	Kỳ 2, năm 3	3		Thực hiện CTĐT
		Cơ sở quản lý tài chính	004737	Kỳ 1, năm 3		3	
		tài chính cá nhân ứng dụng	004698				

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Tài chính tiền tệ	002354	Kỳ 1, năm 2	2		
		Quản lý tài chính	002208	Kỳ 2, năm 2	3		
		Tài chính doanh nghiệp	002338	Kỳ 1, năm 3	3		
22	Lê Thị Mai Hương	Cơ sở quản lý tài chính	004737	Kỳ 1, năm 3		3	Thực hiện CTĐT
		Quản lý tài chính	002208	Kỳ 2, năm 2	3		
		Tài chính doanh nghiệp	002338	Kỳ 1, năm 3	3		
23	Đặng Quốc Hương	Cơ sở quản lý tài chính	004737	Kỳ 1, năm 3		3	Thực hiện CTĐT
		Quản lý tài chính	002208	Kỳ 2, năm 2	3		
		Tài chính doanh nghiệp	002338	Kỳ 1, năm 3	3		
		Phân tích kinh doanh	004695	Kỳ 2, năm 3	3		
24	Nguyễn Hồng Nhung	Cơ sở quản lý tài chính	004737	Kỳ 1, năm 3		3	Thực hiện CTĐT
		Quản lý tài chính	002208	Kỳ 2, năm 2	3		
		Tài chính cá nhân ứng dụng	004698			3	
		Tài chính tiền tệ	002354	Kỳ 1, năm 2	2		
		Tài chính doanh nghiệp,	002338	Kỳ 1, năm 3	3		
25	Đinh Thị Minh Tâm	Tài chính doanh nghiệp,	002338	Kỳ 1, năm 3	3		Thực hiện CTĐT
		Phân tích kinh doanh	004695	Kỳ 2, năm 3	3		
		Cơ sở quản lý tài chính	004737	Kỳ 1, năm 3		3	
		Quản lý tài chính	002208	Kỳ 2, năm 2	3		
		tài chính cá nhân ứng dụng	004698			3	
26	Trương Thị Thu Hương	Kinh tế vĩ mô	001223	Kỳ 1, năm 2	2		Thực hiện CTĐT
		Quản lý nhân lực	002176			3	
		Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	Kỳ 1, năm 2	3		
		Quản trị học	002244	Kỳ 2, năm 1	3		

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT	
					Bắt buộc	Tự chọn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
27	Nguyễn Thị Việt Ngọc	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	Kỳ 1, năm 2	3		Thực hiện CTĐT	
		Kinh tế vi mô	001216	Kỳ 1, năm 1	3			
28	Vũ Đình Dũng	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	004691	Kỳ 2, năm 2		3	Thực hiện CTĐT	
		Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	Kỳ 1, năm 2	3			
		Quản lý nhân lực	002176			3		
		Kinh tế vĩ mô	001223	Kỳ 1, năm 2	2			
29	Nguyễn Ngọc Thía	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	004723			2	Thực hiện CTĐT	
		Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	Kỳ 1, năm 2	3			
		Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	004691	Kỳ 2, năm 2		3		
30	Vương Thị Hồng	Quản trị học	002244	Kỳ 2, năm 1	3		Thực hiện CTĐT	
31	Dương Văn Hùng	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	004723			2	Thực hiện CTĐT	
32	Nguyễn Trung Hạnh	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh,	004557	Kỳ 1, năm 2	3		Thực hiện CTĐT	
		Hệ thống thông tin và hoạch định nguồn lực DN	004835			2		
		Kinh tế vi mô	001216	Kỳ 1, năm 1	3			
33	Trần Thanh Tuấn	Quản trị học	002244	Kỳ 2, năm 1	3		Thực hiện CTĐT	
34	Phan Hùng Duy	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	004723			2	Thực hiện CTĐT	
		Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	Kỳ 1, năm 2	3			
		Hệ thống thông tin và hoạch định nguồn lực DN	004835			2		
		Kinh tế vi mô	001216	Kỳ 1, năm 1	3			



Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
35	Phạm Thị Mai Quyên	Hệ thống thông tin và hoạch định nguồn lực DN	004835			2	Thực hiện CTĐT
		Quản trị học	002244	Kỳ 2, năm 1	3		
36	Nguyễn Thị Vân Anh	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	004691	Kỳ 2, năm 2		3	Thực hiện CTĐT
		Khởi sự kinh doanh	004722			2	
		Quản lý nhân lực	002176			3	
		Kinh tế vĩ mô	001223	Kỳ 1, năm 2	2		
37	Lê Hoàn	Ứng dụng CNTT cơ bản	004547	Kỳ 1, Năm 1	4		Thực hiện CTĐT
38	Phạm Trí Nguyễn	Toán cao cấp 2	004546	Kỳ 1, Năm 1	4		Thực hiện CTĐT
39	Nguyễn Như Quân	Xác suất thống kê	003657	Kỳ 1, Năm 1	3		Thực hiện CTĐT
40	Lê Thị Bích Hằng	Tiếng Anh 1	003137	Kỳ 2, Năm 1	4		Thực hiện CTĐT
41	Trần Thanh Hoài	Giáo dục thể chất	00801	Năm 1			Thực hiện CTĐT
42	Nguyễn Thị Nguyệt Minh	Tiếng Anh 2	003144	Kỳ 1, Năm 2	4		Thực hiện CTĐT
43	Nguyễn Thế Mừng	Luật kinh tế	001506	Kỳ 1, Năm 3	2		Thực hiện CTĐT

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
44	Ngô Thị Tuyết Thanh	Pháp luật đại cương	002018	Kỳ 1, Năm 1	2		Thực hiện CTĐT
45	Cao Thị Thu Trà	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	003928	Kỳ 1, Năm 3	2		Thực hiện CTĐT
46	Đoàn Nam Chung	Triết học Mác Lênin	003923	Kỳ 1, Năm 1	3		Thực hiện CTĐT
47	Nguyễn Thị Huyền Chi	Tư tưởng Hồ Chí Minh	003505	Kỳ 2, Năm 2	2		Thực hiện CTĐT
48	Ngô Thị Thơm	Kinh tế chính trị Mác Lênin	003925	Kỳ 2, Năm 1	2		Thực hiện CTĐT
49	Nguyễn Thị Phương Mai	Chủ nghĩa xã hội khoa học	003926	Kỳ 1, Năm 2	2		Thực hiện CTĐT
50	Vũ Ngọc Minh	Giáo dục Quốc phòng An Ninh	00785				Thực hiện CTĐT
51	Nguyễn Đăng Toàn	Năng lượng cho phát triển bền vững	004552	Kỳ 2, Năm 1	2		Thực hiện CTĐT

### 14.3. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu đảm bảo phục vụ cho chương trình đào tạo

#### 14.3.1. Hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo:

- Phần mềm Hệ thống quản lý giáo dục (PMT-EMS education) dùng chung trong toàn trường hỗ trợ công tác đào tạo (thời khóa biểu, đăng ký môn học, điểm, quản lý chương trình đào tạo); công tác sinh viên (quản lý sinh viên, cổng thông tin sinh viên, khảo sát đánh giá sinh viên); công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng (tổ chức thi, chấm công giờ dạy).

- Phần mềm tổ chức thi trắc nghiệm phục vụ tổ chức thi kết thúc học phần.

- Cổng thông tin tuyển sinh tuyensinh.epu.edu.vn phục vụ cập nhật thông tin tuyển sinh, đăng ký tuyển sinh online trích xuất ra thông tin đăng ký tuyển sinh của thí sinh. - Cổng thông tin điện tử epu.edu.vn đưa thông tin tuyển sinh, thông báo để phục vụ công tác tuyển sinh của nhà trường.

#### 14.3.2. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Hội trường + giảng đường + phòng học đa phương tiện	131	17,602	Máy chiếu	61	Dùng chung cho tất cả các học phần/môn học của tất cả các Khoa trong trường
				Màn hình TV + màn led	41	
				Thiết bị âm thanh (máy trợ giảng, amply + micro + loa)	57	
				Camera giám sát	75	
				Điều hòa không khí	269	
2	Phòng học máy tính	6	939	Máy chiếu	6	
				Máy chủ	10	
				Máy tính để bàn + xách tay	306	

### 14.3.3. Danh sách các trung tâm, cơ sở hỗ trợ nghiên cứu, thực hành và thực tập

Hiện nay, Sinh viên và Giảng viên của Khoa Kinh tế và Quản lý sử dụng các thiết bị được Nhà trường trang bị dùng chung tại các phòng thực hành.

Danh mục trung tâm, cơ sở hỗ trợ nghiên cứu, thực hành, thực tập						Ngành nghề kinh doanh	Tên học phần/môn học	Số người học/1 học kỳ	Thời gian thực hành/thực tập theo chương trình đào tạo
STT	Tên trung tâm, cơ sở hỗ trợ nghiên cứu, thực hành, thực tập	Địa điểm	Người đại diện	Số hợp đồng (hoặc Số MoU)	Thời gian ký kết hợp đồng (hoặc thời gian ký MoU)				
1	Công ty CP Tư vấn và Cung ứng Nguồn lực trẻ (ACTAX)	Tầng 3 Số 2 Ngõ 95 P.Chùa Bộc - Q.Đống Đa - TP.Hà Nội	Bà Trần Thị Vân Anh	3108-01/HĐ-ĐHĐL-KT&QL; 3108-02/HĐ-ĐHĐL-KT&QL; 3108-03/HĐ-ĐHĐL-KT&QL; 3108-04/HĐ-ĐHĐL-KT&QL; 3108-05/HĐ-ĐHĐL-KT&QL	31/8/2022	Kinh doanh dịch vụ kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế, cung ứng và quản lý nguồn lao động	Thực hành môn học kế toán doanh nghiệp	Không giới hạn số lượng	Năm thứ 4, học kỳ 1 (4 tuần)
2	Công ty TNHH Tư vấn doanh nghiệp nguồn lực Việt (Vietsourcing)	Tầng 2, Tòa nhà Kinh Đô, 292 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội	Bà Nguyễn Phương Hằng		Năm 2021	Kinh doanh dịch vụ kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế, cung ứng và quản lý nguồn lao động	Thực hành kế toán & kiểm soát	Không giới hạn số lượng	Năm thứ 4, học kỳ 1 (4 tuần)
3	Công ty TNHH Tư vấn Kế toán – Kiểm Toán Auditcare &	số 23 89/46 Đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận	Bà Nguyễn Thị Thủy		31/8/2022	Kinh doanh dịch vụ kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế, cung ứng và quản lý nguồn lao động	Thực hành môn học kế toán doanh nghiệp	Không giới hạn số lượng	Năm thứ 4, học kỳ 1 (4 tuần)

Danh mục trung tâm, cơ sở hỗ trợ nghiên cứu, thực hành, thực tập						Ngành nghề kinh doanh	Tên học phần/môn học	Số người học/1 học kỳ	Thời gian thực hành/thực tập theo chương trình đào tạo
STT	Tên trung tâm, cơ sở hỗ trợ nghiên cứu, thực hành, thực tập	Địa điểm	Người đại diện	Số hợp đồng (hoặc Số MoU)	Thời gian ký kết hợp đồng (hoặc thời gian ký MoU)				
	Partners Việt Nam (ACV),	Cầu Giấy, Hà Nội					Thực hành kế toán & kiểm soát	Không giới hạn số lượng	Năm thứ 4, học kỳ 1 (4 tuần)

#### 14.3.4. Thư viện

- Diện tích sàn sử dụng cho Thư viện: 1.176m<sup>2</sup>
- Số chỗ ngồi: 200
- Số máy tính phục vụ tra cứu: 3
- Phần mềm quản lý: Libol 8.0
- Thư viện điện tử, thư viện số liên kết: <http://epu.tailieu.vn/>; <http://db.vista.gov.vn/>
- Số lượng sách: 42.848 cuốn

### 14.3.5. Danh mục giáo trình dùng trong chương trình đào tạo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong thư viện trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Giáo trình Triết học Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật. 2021	1	Triết học Mác Lênin	003923	Học kỳ 1, năm 1	
2	Toán học Cao Cấp tập 2	Nguyễn Đình Trí	Nhà xuất bản Giáo dục	251	Toán cao cấp 2	004546	Học kỳ 1, năm 1	
3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Nguyễn Cao Văn	NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, 2006	55	Xác suất thống kê	003657	Học kỳ 1, năm 1	
4	Giáo trình ứng dụng CNTT cơ bản	Trung tâm tin học, Đại học Khoa học Tự Nhiên	NXB ĐHQG TP HCM, 2022		Ứng dụng CNTT cơ bản	004547	Học kỳ 1, năm 1	
5	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	NXB Chính trị Quốc gia sự thật. 2022	1	Pháp luật đại cương	002018	Học kỳ 1, năm 1	
6	Giáo trình Kinh tế học, tập 1	Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2018	1	Kinh tế vi mô	001216	Học kỳ 1, năm 1	
7	Bài tập kinh tế học vi mô	Vũ Kim Dũng	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2017	1				
8	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật. 2021	1	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	003925	Học kỳ 2, năm 1	
9	Empower (second edition), B1- Student's book	Adrian Doff & Craig Thaine	Cambridge University Press. 2022	1	Tiếng Anh 1	003137	Học kỳ 2, năm 1	
10	Chuyển dịch Năng lượng Việt Nam Cơ hội và Thách thức	Ban Kinh tế Trung ương	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022		Năng lượng cho phát triển bền vững	004552	Học kỳ 2, năm 1	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong thư viện trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
11	Thống kê Năng lượng Việt Nam năm 2019	Chương trình Quốc gia về sử dụng Năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	NXB Giao thông vận tải, 2019					
12	Quản trị học	Nguyễn Thị Thanh Dần	Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội. 2021	1	Quản trị học	002244	Học kỳ 2, năm 1	
13	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật. 2021	1	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	003926	Học kỳ 1, năm 2	
14	Empower (second edition), B1-Student's book	Adrian Doff & Craig Thaine	Cambridge University Press. 2022	1	Tiếng Anh 2	003144	Học kỳ 1, năm 2	
15	Giáo trình Kinh tế học vĩ mô	Nguyễn Ái Đoàn	NXB Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội, 2010	1	Kinh tế vĩ mô	001223	Học kỳ 1, năm 2	
16	Kinh tế học về Tiền, Ngân hàng và Thị trường Tài chính	Frederic S. Mishkin	Nhà xuất bản Tài chính, 2021	2	Tài chính-tiền tệ	002354	Học kỳ 1, năm 2	
17	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc	Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. 2017	12	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	Học kỳ 1, năm 2	
18	Nguyên lý kế toán	Nguyễn Tố Tâm (chủ biên), Nguyễn Ngọc Hiền, Nguyễn Đức Quang, Ngô Thị Thúy Ngân; Đinh Thị Lan	NXB Nhà xuất bản giáo dục, 2018	1	Nguyên lý kế toán	001838	Học kỳ 1, năm 2	
19	Hệ thống câu hỏi và bài tập Nguyên lý kế toán	Nguyễn Tố Tâm (chủ biên), Nguyễn Ngọc Hiền, Nguyễn Đức	NXB Nhà xuất bản giáo dục, 2018	1				

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong thư viện trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		Quang, Ngô Thị Thúy Ngân; Đinh Thị Lan						
20	Foundations in Accountancy/ ACCA, Accountant in Business (FAB/AB), Interactive text	ACCA	BPP Learning Media, 2019	1	Kinh doanh và Công nghệ (BT-ACCA Diploma)	004764	Học kỳ 1, năm 2	
21	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật. 2021	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	003505	Học kỳ 2, năm 2	
22	Tài Chính Doanh Nghiệp	Stephen A. Ross	NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2020	1	Quản lý tài chính	002208	Học kỳ 2, năm 2	
23	Giáo trình Kế toán tài chính doanh nghiệp	Học viện Tài chính	NXB Tài chính. 2019	1	Kế toán tài chính 1	001065	Học kỳ 2, năm 2	
24	Professional English In Use	Ian MacKenzie	NXB Cambridge University Press, 2008	2	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	003212	Học kỳ 2, năm 2	
25	Tổ chức công tác kế toán	Nguyễn Tố Tâm, Nguyễn Thị Kim Chi	NXB Giáo dục, 2019	1	Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán	004681	Học kỳ 2, năm 2	
26	Giáo trình Kế toán chi phí	Đoàn Ngọc Quế và cộng sự	NXB Kinh tế TP. HCM. 2015	10	Kế toán chi phí	001010	Học kỳ 2, năm 2	
27	Hệ thống lý thuyết và bài tập Kế toán chi phí	Nguyễn Tố Tâm và cộng sự	NXB Giáo dục. 2013	1				
28	FIA – MA2. Managing costs and finances Interactive text	ACCA	ACCA, 2013	1	Quản lý chi phí và tài chính (MA2 - ACCA Diploma)	004697	Học kỳ 2, năm 2	
29	Chương trình môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2018	1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	003928	Học kỳ 1, năm 3	
30	Giáo trình Kế toán tài chính doanh nghiệp	Học viện Tài chính	NXB Tài chính. 2019	1	Kế toán tài chính 2	001069	Học kỳ 1, năm 3	



STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong thư viện trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
31	Giáo trình đại cương về kế toán tập đoàn	Ngô Thị Thu Hồng và Bùi Thị Thu Hương	Nhà xuất bản tài chính. 2021	1				
32	Giáo trình Kế toán quản trị	Nguyễn Ngọc Quang	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2021	1	Kế toán quản trị	001044	Học kỳ 1, năm 3	
33	Kế toán thuế trong doanh nghiệp và kỹ năng quyết toán thuế	Vũ Thị Kim Anh, Hà Thị Thúy Vân, Trần Mạnh Dũng	Nhà xuất bản tài chính, 2021	1	Thuế và thực hành	004868	Học kỳ 1, năm 3	
34	Tài Chính Doanh Nghiệp	Stephen A. Ross	NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2020	1	Tài chính doanh nghiệp	002338	Học kỳ 1, năm 3	
35	Giáo trình Luật kinh tế	Nguyễn Hợp Toàn	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2016		Luật kinh tế	001506	Học kỳ 1, năm 3	
36	Kiểm toán	Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	NXB Lao động, 2021	1	Kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp	'004688	Học kỳ 2, năm 3	
37	FAU-Foundations in audit	ACCA	ACCA, 2015	1				
38	Sổ tay Bộ quy tắc Đạo đức nghề nghiệp quốc tế cho kế toán viên chuyên nghiệp	IESBA	NXB Tài chính. 2018	1				
39	Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán	Nguyễn Hữu Ánh, Trần Trung Tuấn	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021	1	Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán	004869	Học kỳ 2, năm 3	
40	Giáo trình tin học ứng dụng	Trần Thị Song Minh	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018	1				

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong thư viện trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
41	ACCA Approved Study Text Study Text for exams from 1 September 2015 to 31 August 2016 Paper P3 Business Analysis ACCA APPROVED Content Provider	ACCA	MA Learning System, 2015	1	Phân tích kinh doanh	'004695	Học kỳ 2, năm 3	
42	Tổ chức công tác kế toán	Nguyễn Tố Tâm, Nguyễn Thị Kim Chi	NXB Giáo dục, 2019	1	Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	004870	Học kỳ 2, năm 3	
43	Kế toán thuế trong doanh nghiệp và kỹ năng quyết toán thuế	Vũ Thị Kim Anh, Hà Thị Thúy Vân, Trần Mạnh Dũng	Nhà xuất bản tài chính, 2021	1				
44	Giáo trình Kế toán thương mại dịch vụ	Vũ Thị Kim Anh	NXB Tài chính, 2020	1	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	'004863	Học kỳ 2, năm 3	
45	Giáo trình Kế toán quản trị	Nguyễn Ngọc Quang	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2021	1	Kế toán quản trị chuyên sâu (FMA-ACCA Diploma)	001048	Học kỳ 2, năm 3	
46	Management Accounting	ACCA	MA Learning System, 2019	1				
47	ACCA Financial Accounting (FFA/FA) ACCA Approved Interactive text	ACCA	BPP Learning Media, 2018	1	Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (FFA - ACCA Diploma)	004686	Học kỳ 1, năm 4	
48	Lập, đọc, phân tích và kiểm tra báo cáo tài chính	Trần Mạnh Dũng	NXB Tài chính, 2019	1	Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính	004692	Học kỳ 1, năm 4	
49	Giáo trình Kiểm soát quản lý	Nguyễn Thị Phương Hoa	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2009	1	Kiểm soát quản lý	004864	Học kỳ 1, năm 4	
50	Giáo trình Kế toán Công	Phạm Đức Cường	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân năm 2022	1	Kế toán công	004684	Học kỳ 1, năm 4	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong thư viện trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
51	Kiểm soát nội bộ	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	NXB Lao động, 2021	1	Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong tổ chức	004687	Học kỳ 1, năm 4	
52	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Lao động-Xã hội, 2009	1				
53	Tổ chức công tác kế toán	Nguyễn Tô Tâm, Nguyễn Thị Kim Chi	NXB Giáo dục, 2019	1	Thực hành môn học kế toán doanh nghiệp	002690	Học kỳ 1, năm 4	
54	Giáo trình Kế toán quản trị	Nguyễn Ngọc Quang	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2021	1	Thực hành kế toán và kiểm soát	002676	Học kỳ 1, năm 4	
55	Tổ chức công tác kế toán	Nguyễn Tô Tâm, Nguyễn Thị Kim Chi	NXB Giáo dục, 2019	1	Thực tập tốt nghiệp	004573	Học kỳ 2, năm 4	
56	Tổ chức công tác kế toán	Nguyễn Tô Tâm, Nguyễn Thị Kim Chi	NXB Giáo dục, 2019	1	Khoá luận tốt nghiệp	004592	Học kỳ 2, năm 4	
57	FA1 – Recording Financial Transactions, Interactive text	ACCA	BPP Learning Media	1	Ghi chép nghiệp vụ tài chính cơ bản	004733		
58	Foundations in Accountancy/ ACCA Management Accounting(FMA/MA), Interactive	ACCA	BPP Learning Media, 2019	1	Quản lý chi phí thông tin trong tổ chức (MA1 - ACCA Diploma)	004734		
59	FA2 – Maintaining Financial Records, Interactive text	ACCA	BPP Learning Media, 2015	1	Các nguyên tắc kế toán căn bản	004735		
60	FAU – Foundations in Audit, Interactive text	ACCA	BPP Learning Media, 2014	1	Kiểm toán căn bản	004736		
61	Foundations in Financial Management (FFM) Level 4 study text	ACCA	2022	1	Cơ sở quản lý tài chính	004737		
62	Kỹ năng lãnh đạo quản lý	Nguyễn Văn Hùng và cộng sự	NXB Tài chính, 2022	1	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	004691		
63	Tổ chức công tác kế toán	Nguyễn Tô Tâm, Nguyễn Thị Kim Chi	NXB Giáo dục, 2019	1	Kiến tập hè về kế toán	004738		

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong thư viện trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
64	Giáo trình Kiểm toán nội bộ	Phan Trung Kiên	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2022	1	Kiểm toán nội bộ	001150		

#### 14.3.6. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong thư viện trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Bài tập kinh tế vi mô	Vũ Kim Dũng	NXB Lao động xã hội, 2014	1	Kinh tế vi mô	001216	Học kỳ 1, năm 1	
2	Giáo trình quản trị học	Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nhà xuất bản tài chính, 2013	3	Quản trị học	002244	Học kỳ 2, năm 1	
3	Bài giảng kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Ngọc	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2013	2	Kinh tế vĩ mô	001223	Học kỳ 1, năm 2	
4	Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ	Nguyễn Hữu Tài	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2012	30	Tài chính-tiền tệ	002354	Học kỳ 1, năm 2	
5	Giáo trình Nguyên Lý Kế Toán	Nguyễn Hữu Ánh, Phạm Đức Cường	NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân, 2020	1	Nguyên lý kế toán	001838	Học kỳ 1, năm 2	
6	Foundation in Accountancy/ ACCA, Accountant in Business (FAB/AB), Practice & Revision Kit	ACCA	BPP Learning Media, 2019	1	Kinh doanh và Công nghệ (BT-ACCA Diploma)	004764	Học kỳ 1, năm 2	
7	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Bùi Văn Vân	NXB Tài chính, 2013	1	Quản lý tài chính	002208	Học kỳ 2, năm 2	
8	Giáo trình kế toán tài chính quyển 1	Nguyễn Xuân Hưng	NXB Kinh tế TP.HCM, 2017	1	Kế toán tài chính 1	001065	Học kỳ 2, năm 2	
9	Giáo trình kế toán tài chính quyển 2	Nguyễn Kim Cúc	NXB Kinh tế TP.HCM, 2017	1				
10	Giáo trình kế toán tài chính quyển 3	Đặng Ngọc Vàng	NXB Kinh tế TP.HCM, 2017	1				
11	Giáo trình Kế toán quản trị	Đoàn Ngọc Quế và cộng sự	NXB Kinh tế TP. HCM. 2015	10	Kế toán chi phí	001010	Học kỳ 2, năm 2	

12	Management Accounting	ACCA	BPP Learning Media, 2019	1	Quản lý chi phí và tài chính (MA2 - ACCA Diploma)	004697	Học kỳ 2, năm 2	
13	Giáo trình kế toán tài chính quyển 1	Nguyễn Xuân Hưng	NXB Kinh tế TP.HCM, 2017	1	Kế toán tài chính 2	001069	Học kỳ 1, năm 3	
14	Giáo trình kế toán tài chính quyển 2	Nguyễn Kim Cúc	NXB Kinh tế TP.HCM, 2017	1				
15	Giáo trình kế toán tài chính quyển 3	Đặng Ngọc Vàng	NXB Kinh tế TP.HCM, 2017	1				
16	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Bùi Văn Vân	NXB Tài chính, 2015	3	Tài chính doanh nghiệp	002338	Học kỳ 1, năm 3	
17	Paper Governance	ACCA	NXB New York. BPP Learning Media. 2015	2	Kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp	004688	Học kỳ 2, năm 3	
18	Giáo trình hệ thống thông tin kế toán 1	Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán	NXB Đại học Kinh tế, 2015	1	Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán	004869	Học kỳ 2, năm 3	
19	Phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Năng Phúc	NXB Đại học Kinh tế, 2011	1	Phân tích kinh doanh	'004695	Học kỳ 2, năm 3	
20	Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp	Trương Thị Thủy	NXB Tài chính, 2020	1	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	004863	Học kỳ 2, năm 3	
21	ACCA Financial Accounting (FFA/FA) ACCA Practice &Revision Kit	ACCA	BPP Learning Media, 2018	1	Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (FFA - ACCA Diploma)	004686	Học kỳ 1, năm 4	
22	Giáo trình phân tích tài chính	Đỗ Hồng Nhung	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2021	1	Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính	004692	Học kỳ 1, năm 4	
23	Giáo trình phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Năng Phúc	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2014	1				
24	Giáo trình Kiểm soát	Nguyễn Ngọc Huyền	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2018	1	Kiểm soát quản lý	004864	Học kỳ 1, năm 4	
25	Giáo trình hệ thống thông tin kế toán	Nguyễn Hữu Ánh, Trần Trung Tuấn	NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2021	1	Thực hành môn học kế toán doanh nghiệp	002690	Học kỳ 1, năm 4	
26	Tổ chức công tác kế toán	Nguyễn Tô Tâm, Nguyễn Thị Kim Chi	NXB Giáo dục, 2019	1	Thực hành kế toán và kiểm soát	002676	Học kỳ 1, năm 4	
27	Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp	Trương Thị Thủy	NXB Tài chính, 2020	1				
28	Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán	Nguyễn Hữu Ánh, Trần Trung Tuấn	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021	1	Thực tập tốt nghiệp	004573	Học kỳ 2, năm 4	

29	Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán	Nguyễn Hữu Ánh, Trần Trung Tuấn	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021	1	Khoá luận tốt nghiệp	004592	Học kỳ 2, năm 4	
30	Foundations in Accountancy/ ACCA Management Accounting(FMA/MA), Practice & Revision Kit	ACCA	BPP Learning Media, 2019	1	Quản lý chi phí thông tin trong tổ chức (MA1 - ACCA Diploma)	004734		
31	Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp	Trương Thị Thủy	NXB Tài chính, 2020	1	Kiến tập hè về kế toán	004738		
32	Giáo trình kế toán quản trị	Nguyễn Ngọc Quang	Nhà xuất bản kinh tế quốc dân, 2014	2				
33	Kiểm toán nội bộ hiện đại	Victor Z.Brink and Herbert Witt	NXB Tài chính, 2000	1	Kiểm toán nội bộ	001150		
34	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế (sách dịch)	Bộ Tài chính	NXB Tài chính, 2013	1				
35	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	Bộ Tài chính	NXB Tài chính, 2013	1				

## 15. Đối sánh chương trình đào tạo của các trường trong nước và nước ngoài

### 15.1. Danh sách các chương trình đào tạo cùng ngành của các Trường Đại học khác được đối sánh làm cơ sở đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo:

#### \* Chương trình đào tạo cùng ngành của các Trường Đại học khác trong nước:

- Chương trình đào tạo ngành Kế toán của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (<https://faa.hau.edu.vn/media/29/uffile-upload-no-title29651.pdf>).

- Chương trình đào tạo ngành Kế toán của trường Đại học Kinh tế quốc dân (<https://saa.neu.edu.vn/images/ckeditor/files/Thong%20bao/ketuan%2063.pdf>)

- Chương trình đào tạo ngành Kế toán của trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

([https://drive.google.com/file/d/13p1zA4GFv7jy9FlrPULb7H5lh\\_58Wrpz/view](https://drive.google.com/file/d/13p1zA4GFv7jy9FlrPULb7H5lh_58Wrpz/view))

#### \* Chương trình đào tạo cùng ngành của các Trường Đại học khác trên thế giới:

- Chương trình đào tạo ngành Kế toán của trường Monash Business school/Monash University - Australia

([https://www.monash.edu/\\_data/assets/pdf\\_file/0003/2687412/map-b2029-12-May-2022.pdf](https://www.monash.edu/_data/assets/pdf_file/0003/2687412/map-b2029-12-May-2022.pdf))

- Chương trình đào tạo ngành Kế toán của trường Auburn University – US ([https://bulletin.auburn.edu/undergraduate/collegeofbusiness/schoolofaccountancyacct/accountancy\\_major/](https://bulletin.auburn.edu/undergraduate/collegeofbusiness/schoolofaccountancyacct/accountancy_major/))

### 15.2. So sánh chương trình đào tạo (kèm theo phụ lục chi tiết các học phần)

Chương trình	Tổng TC	Tổng HP	GD ĐC	CSN	CN	Kiến thức chuyên sâu	Chuyên đề thực tập	Kiến thức bổ trợ
EPU	128	41	34	18	65		11	23
Trường Đại học Công nghiệp	143		25	50	46		10	
Trường ĐH Kinh tế quốc dân	132	41	56	15	63		10	-
Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	133	45	46	30	47		10	-
Monash Business school/Monash University - Australia	138		0	90	48			
Auburn University - US	123		31	37	55			

## 16. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán được xây dựng theo định hướng ứng dụng. Phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục đích, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường Đại học Điện lực và theo hướng đổi mới phương pháp giảng dạy gắn liền với thực tiễn, giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thảo luận và tự học,

lấy người học làm trung tâm. Đồng thời, chương trình được biên soạn đảm bảo sự liên thông với các ngành đào tạo khác. Khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo định hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn sẽ do Ban Giám hiệu, Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường chỉ đạo thực hiện. Trên cơ sở các đơn vị tín chỉ đã được Hiệu trưởng, Hội đồng Khoa học và đào tạo Trường Đại học Điện lực phê duyệt, các khoa, bộ môn liên quan thực hiện và bổ sung sửa đổi để cập nhật với chương trình đào tạo ngành Kế toán.

Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học cải thiện hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi. Đảm bảo nguyên tắc sinh viên học lại, học cải thiện cùng khóa sau, học vượt học cùng khóa trước.

Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được qui định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm, làm tiểu luận, bài tập lớn; 40 giờ thực tập tại cơ sở; 80 giờ làm khóa luận tốt nghiệp.

Một tiết học được tính bằng 50 phút; 1 giờ là 60 phút

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những đề xuất thay đổi về nội dung kiến thức sẽ đề xuất về đơn vị đầu mối trình Hội đồng khoa học và Phòng Đào tạo xem xét điều chỉnh. Trong từng giai đoạn cụ thể, các khoa chuyên môn đề xuất đơn vị quản lý đào tạo thay đổi các học phần tự chọn sao cho phù hợp với phát triển của khoa học và công nghệ.

## **17. Tổ chức giảng dạy và học tập**

17.1. Trường không chấp nhận các trường hợp cá nhân hoặc đơn vị tự ý đổi thời khóa biểu sau khi đã có danh sách lớp học phần. Để không ảnh hưởng đến lịch học cá nhân của sinh viên, trong trường hợp bất khả kháng khoa/ bộ môn có thể bố trí giảng viên cùng chuyên môn dạy thay buổi học đó hoặc giảng viên phải báo hủy lịch dạy, xin dạy bù vào thời gian thích hợp. Trường chỉ chấp nhận Phiếu báo bận của giảng viên kèm theo bản copy Quyết định của Hiệu trưởng cử giảng viên đi công tác, học tập... trong thời gian xin hủy lịch dạy. Ngoài ra, mọi thay đổi về thời khóa biểu thực hiện quy chế đào tạo hiện hành.

17.2. Trường có Ban thanh tra đào tạo để thanh tra, giám sát nội bộ việc thực hiện quy chế đào tạo của giảng viên và sinh viên; có hệ thống cải tiến chất lượng dựa trên thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của sinh viên về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học phần của Trường, kết quả khảo sát được xử lý theo quy định của Trường.



17.3. Căn cứ quy định về giảng dạy trực tuyến của Nhà trường, khoa Quản lý CTĐT đề xuất danh mục các học phần được tổ chức giảng dạy bằng hình thức trực tuyến; chiếm tối đa 30% tổng số tín chỉ các học phần trong CTĐT (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh). Lớp học trực tuyến được tổ chức khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học hình thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học hình thức trực tiếp; các học phần giảng dạy trực tuyến phải quy định trong đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt.

17.4. Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên được phân công giảng dạy hoặc hướng dẫn cho sinh viên các nội dung thí nghiệm, thực hành, các học phần đề án, thực tập ...

a) Thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức theo quy định của Luật Giáo dục, Luật cán bộ, công chức và pháp luật có liên quan; Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của sinh viên, đối xử công bằng với sinh viên, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên; Tham gia quản lý đơn vị, tham gia công tác Đảng, đoàn thể khi được tín nhiệm và các công tác khác được trường, khoa, bộ môn giao; Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy chế, quy định của Trường;

b) Giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần một cách khách quan, chính xác theo đúng đề cương chi tiết học phần và kế hoạch giảng dạy đã được ban hành;

c) Vận dụng linh hoạt và thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá để đảm bảo truyền thụ cho sinh viên phương pháp luận, phát triển năng lực nhận thức, năng lực sáng tạo, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm; rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự học, tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp;

d) Tham gia quản lý giờ học của sinh viên trên lớp, phòng thí nghiệm, nhà xưởng hoặc trên thực địa và hướng dẫn sinh viên thực tập học phần ngoài trường, tự học, tự nghiên cứu, bao gồm: Xác định và giao các vấn đề, nội dung, yêu cầu để sinh viên hoặc nhóm sinh viên chuẩn bị cho nghe giảng và thảo luận trên lớp, thực hành, thí nghiệm; Xác định và giao các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên hoặc nhóm sinh viên;

17.5. Trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn và các đơn vị quản lý, hỗ trợ liên quan đến sinh viên:

a) Đơn vị quản lý đào tạo: Lập tiến độ đào tạo trong năm học, lên kế hoạch mở lớp học phần cho từng học kỳ, tiếp nhận phân công giảng dạy cho giảng viên từ các khoa/bộ môn; xếp thời khoá biểu từng học kỳ; tổ chức cho sinh viên đăng ký học phần; chủ trì xét điều kiện cảnh báo học tập, thôi học; quản lý các bảng điểm gốc, kết quả học tập của sinh viên, bảng tổng hợp kết quả học tập của sinh viên theo Quyết định tốt nghiệp, tổ chức in ấn, cấp phát văn bằng, chứng chỉ của hệ chính quy do Phòng Đào tạo thực hiện; của hệ vừa làm vừa học do Trung tâm đào tạo thường xuyên thực hiện.

b) Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng: Tổ chức xây dựng và quản lý ngân hàng đề thi kết thúc học phần; xây dựng kế hoạch và tổ chức thi kết thúc học phần; khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của người học về học phần và giảng viên giảng dạy.

17.6. Trách nhiệm và quyền hạn của sinh viên khi tham dự các lớp học, tham gia thí nghiệm, thực hành hoặc khi được giao thực tập, đồ án, khoá luận và các hoạt động học tập khác. Sinh viên khi nhập học được cung cấp email, tài khoản truy cập vào cổng thông tin ĐHĐL để xem thông tin về chương trình đào tạo, các quy chế, qui định liên quan đến đào tạo qua trang web của trường theo địa chỉ <http://www.epu.edu.vn>.

a) Nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo để đăng ký học phần chính xác; đáp ứng các điều kiện để được đăng ký học phần thành công.

b) Tham dự đầy đủ các giờ lên lớp, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của sinh viên khi giảng viên yêu cầu.

c) Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, bài thi kết thúc học phần và hoàn thành báo cáo thực tập, thực hành, thí nghiệm theo quy định.

d) Thực hiện các quyền lợi và nghĩa vụ khác của sinh viên theo quy chế học sinh, sinh viên hiện hành.

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC  
Q. HIỆU TRƯỞNG**

*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*  
**KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ  
TRƯỞNG KHOA**

**Đinh Văn Châu**

**Lê Anh Tuấn**

**Phụ lục****Tài liệu tham khảo xây dựng chương trình****A. Các văn bản pháp lý**

1. Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
2. Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.
3. Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo về Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
4. Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ giáo dục và Đào tạo về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
5. Quyết định 638/QĐ-ĐHĐL, ngày 24/5/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học;
6. Quyết định 639/QĐ-ĐHĐL, ngày 24/5/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định biên soạn, rà soát và điều chỉnh đề cương chi tiết học phần của Trường Đại học Điện lực;
7. Quyết định 1244/QĐ-ĐHĐL, ngày 12/8/2022 của Trường Đại học Điện lực ban hành Quy định về việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình tại Trường Đại học Điện lực;
8. Quyết định 975/QĐ-ĐHĐL, ngày 04/7/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Điện lực;
9. Kế hoạch số 1652/KH-ĐHĐL-ĐT ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Điện lực về việc triển khai kế hoạch cập nhật, đánh giá các chương trình đào tạo.
10. Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020 phê duyệt đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam
11. Quyết định 633/QĐ-TTg về phê duyệt Chiến lược kế toán - kiểm toán đến năm 2030 ban hành ngày 23/05/2022.
12. Kết quả khảo sát các bên liên quan.
13. Kết quả hội thảo về CDR, CTĐT.
14. Báo cáo kiểm định đánh giá ngoài chương trình đào tạo kế toán năm 2022.
15. Các văn bản về tầm nhìn, sứ mệnh, chiến lược của Trường Đại học Điện lực và Khoa Kinh tế và Quản lý.

**B. Khung chương trình các trường đại học trong nước và quốc tế**

ĐH Điện lực		ĐH Công nghiệp Hà Nội		Đại học Kinh tế quốc dân		Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng		Monash Business school/Monash University - Australia		Auburn University – US	
Tên học phần	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC
Kiến thức giáo dục đại cương	34	Kiến thức giáo dục đại cương	25	Kiến thức giáo dục đại cương	23	Kiến thức giáo dục đại cương	26	Kiến thức giáo dục đại cương	0	Kiến thức giáo dục đại cương	31
- Toán và các môn KH cơ bản	5	- Toán và các môn KH cơ bản	9	- Toán và các môn KH cơ bản	3	- Toán và các môn KH cơ bản	0	- Toán và các môn KH cơ bản	0	- Toán và các môn KH cơ bản	25
Toán cao cấp 2	3	Xác suất thống kê	2	Toán kinh tế	3	Giao tiếp trong kinh doanh	3			World History I or II - Lịch sử thế giới 1	3
Xác suất thống kê	2	Giải tích	2			Toán ứng dụng trong kinh tế	3			Core Science 1 - Khoa học 1	4
		Kinh tế lượng	3							Calculus with Business Applications I - Ứng dụng kinh doanh	4
		Đại số tuyến tính	2							Professional and Career Development in Business I - Phát triển nghề nghiệp trong kinh doanh 1	1
										Social Science Core Elective - Cốt lõi của Khoa học xã hội	3

ĐH Điện lực		ĐH Công nghiệp Hà Nội		Đại học Kinh tế quốc dân		Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng		Monash Business school/Monash University - Australia		Auburn University – US	
										Core Science II - Khoa học 2	4
										Core Fine Arts - Nghệ thuật	3
										Public Speaking - Giao tiếp công chúng	3
<b>- Khoa học chính trị, pháp luật và khoa học xã hội</b>	<b>18</b>	<b>- Khoa học chính trị, pháp luật và khoa học xã hội</b>	<b>11</b>	<b>- Khoa học chính trị, pháp luật và khoa học xã hội</b>	<b>11</b>	<b>- Khoa học chính trị, pháp luật và khoa học xã hội</b>	<b>11</b>	<b>- Khoa học chính trị, pháp luật và khoa học xã hội</b>		<b>- Khoa học chính trị, pháp luật và khoa học xã hội</b>	
Triết học Mác Lênin	3	Triết học Mác Lênin	3	Triết học Mác Lênin	3	Triết học Mác Lênin	3				
Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2				
Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2				
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				
Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2				
Pháp luật đại cương	2										
Năng lượng cho phát triển bền vững	2										
<b>- Công nghệ thông tin cơ bản</b>	<b>0</b>	<b>- Công nghệ thông tin cơ bản</b>	<b>0</b>	<b>- Công nghệ thông tin cơ bản</b>	<b>0</b>	<b>- Công nghệ thông tin cơ bản</b>	<b>3</b>	<b>- Công nghệ thông tin cơ bản</b>	<b>0</b>	<b>- Công nghệ thông tin cơ bản</b>	<b>0</b>
						Tin ứng dụng	3				
<b>- Ngoại ngữ cơ bản</b>	<b>8</b>	<b>- Ngoại ngữ cơ bản</b>	<b>5</b>	<b>- Ngoại ngữ cơ bản</b>	<b>9</b>	<b>- Ngoại ngữ cơ bản</b>	<b>15</b>	<b>- Ngoại ngữ cơ bản</b>		<b>- Ngoại ngữ cơ bản</b>	<b>6</b>

ĐH Điện lực		ĐH Công nghiệp Hà Nội		Đại học Kinh tế quốc dân		Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng		Monash Business school/Monash University - Australia		Auburn University – US	
Tiếng Anh 1	4	Tiếng Anh Thương mại	5	Ngoại ngữ	9	Tiếng Anh	15			English Composition I - Tiếng Anh học thuật 1	3
Tiếng Anh 2	4									English Composition II	3
<b>- Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Giáo dục thể chất</b>	<b>15</b>										
Giáo dục thể chất	4			Giáo dục thể chất	4	Giáo dục thể chất	4				
Giáo dục quốc phòng	11			Giáo dục quốc phòng	11	Giáo dục quốc phòng	11				
<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>94</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>50</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>102</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>65</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>138</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>92</b>
<b>- Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>18</b>	<b>- Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>30</b>	<b>- Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>30</b>	<b>- Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>36</b>	<b>- Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>42</b>	<b>- Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>12</b>
Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô	6	Kinh tế vi mô	3
Kinh tế vĩ mô	2	Kinh tế vĩ mô	3	Kinh tế vĩ mô	3	Kinh tế vĩ mô	3	Kinh tế vĩ mô	6	Kinh tế vĩ mô	3
Tài chính tiền tệ	2	Tài chính tiền tệ	3	Tài chính tiền tệ	3	Hành vi tổ chức	3	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	6		
Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	3	Nguyên lý kế toán	3	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	3	Hệ thống thông tin quản lý	3	Introduction to financial accounting - Giới thiệu về kế toán tài chính	6		
Nguyên lý kế toán	3	Quản trị học	3	Nguyên lý kế toán	3	Kinh doanh quốc tế	3	Môn học tự chọn 1	6		
Quản lý tài chính	3	Lý thuyết thống kê	3	Tài chính công	3	Luật kinh doanh	3	Môn học tự chọn 2	6		

ĐH Điện lực		ĐH Công nghiệp Hà Nội		Đại học Kinh tế quốc dân		Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng		Monash Business school/Monash University - Australia		Auburn University – US	
Phương pháp tối ưu trong kinh tế	2	Marketing căn bản	3	Quản lý học	3	Nhập môn kế toán	3	Foundations of finance - Nền tảng tài chính	6		
Kinh doanh và Công nghệ (FIA)	2	Luật kinh tế	3	Kế toán quản trị 1	3	Nhập môn kinh doanh	3				
		Phân tích hoạt động kinh doanh	3	Kế toán công 1	3	Thị trường và các định chế TC	3				
		Thị trường chứng khoán	3	Kiểm toán căn bản	3	Thống kê kinh doanh và kinh tế	3				
		Tài chính công	3			Tiếng Anh kinh doanh	3				
<b>- Kiến thức ngành</b>	<b>51</b>	<b>- Kiến thức ngành</b>	<b>20</b>	<b>- Kiến thức ngành</b>	<b>72</b>	<b>- Kiến thức ngành</b>	<b>29</b>	<b>- Kiến thức ngành</b>	<b>48</b>	<b>- Kiến thức ngành</b>	<b>25</b>
Kế toán tài chính 1	4	Kế toán trong kinh doanh (F1)	3	Kế toán tài chính 1	3	Kế toán tài chính 1	3	Hệ thống thông tin kế toán	6	Business Analytics I - Phân tích kinh doanh 1	3
Kế toán tài chính 2	4	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	Kế toán tài chính 2	3	Kế toán tài chính 2	3	Financial accounting - Kế toán tài chính	6	Core Literature - Văn học	3
Kế toán quản trị	3	Thuế và kế toán thuế 1	3	Phân tích kinh doanh	3	Kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp	3	Introduction to management accounting - Giới thiệu về KT quản trị	6	Ops: Management of Business Processes - Quản lý hoạt động kinh doanh	2
Kế toán tài chính theo chuẩn mực IFRSs (FA)	4	lý thuyết kiểm toán	3	Tài chính doanh nghiệp	3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Free elective study unit 3 - Môn học tự chọn 3	6	Professional and Career Development in Business II - Phát triển nghề nghiệp trong kinh doanh 2	1

ĐH Điện lực		ĐH Công nghiệp Hà Nội		Đại học Kinh tế quốc dân		Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng		Monash Business school/Monash University - Australia		Auburn University – US	
Kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp	3	Đề án môn học	3	Kinh tế lượng	3	Kiểm soát nội bộ	3	Free elective study unit 4 - Môn học tự chọn 4	6	Principles of Financial Accounting - Nguyên tắc Kế toán tài chính	3
Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	3	Thuế và kế toán thuế 2	3	Kiểm soát quản lý	3	Kế toán quản trị	3	Australian corporations law - Luật DN Úc	6	Business Analytics II - Phân tích kinh doanh 2	3
Phân tích kinh doanh	3	Kiểm soát nội bộ	3	Đề án môn học	3	Kế toán hành chính SN	3	Free elective study unit 5 - Môn học tự chọn 5	6	Core Literature II or Humanities Core Elective - Văn học 2	3
Quản lý tài chính	3	Quản lý danh mục đầu tư	3	Kiểm soát nội bộ	3	Tài chính công ty	3	Free elective study unit 6 - Môn học tự chọn 6	6	Information Analysis - Phân tích thông tin	3
Thuế và thực hành	4	Nghiên cứu , ứng dụng trong kế toán kiểm toán	2	Kế toán quốc tế	3	Quản trị công ty và nghề nghiệp kế toán	2			Principles of Management - Quản trị căn bản	3
Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	4	quản trị doanh nghiệp	2	Kế toán quản trị 2	3	Nhập môn KH dữ liệu trong kinh doanh	2			Elective - môn tự chọn	1
Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin KT	4	Quản trị rủi ro	2	Kiểm toán tài chính 1	3						
Tài chính doanh nghiệp	3			Kế toán tài chính 3	3						
Luật kinh tế	2			Hệ thống thông tin kế toán 1	3						



ĐH Điện lực		ĐH Công nghiệp Hà Nội		Đại học Kinh tế quốc dân		Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng		Monash Business school/Monash University - Australia		Auburn University – US	
Quản lý nhân lực	3			Kế toán nâng cao 1	3						
Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính	3			Hệ thống thông tin kế toán 2	3						
Khởi sự kinh doanh	3			Kiểm toán tài chính 2	3						
Kiểm soát quản lý	3			Lịch sử kinh tế	3						
Tài chính cá nhân ứng dụng	3			Tiếng Anh ngành kế toán	3						
Hệ thống thông tin và hoạch định nguồn nhân lực	2			Kế toán dự án đầu tư	3						
				Pháp luật kinh tế	3						
				Thẩm định dự án đầu tư	3						
				Hành vi tổ chức	3						
				Thuế	3						
				Ngân hàng TM và thị trường CK	3						
<b>- Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>14</b>	<b>- Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>46</b>	<b>- Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>15</b>	<b>- Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>39</b>	<b>- Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>48</b>	<b>- Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>55</b>
Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt	4	Kế toán tài chính 1	4	Kế toán chi phí	3	Kế toán chi phí	3	Kế toán quản trị F1	6	Kế toán chi phí	3
Kế toán công	3	Kế toán tài chính 2	3	Phân tích báo cáo tài chính	3	Hệ thống thông tin kế toán	3	Advanced financial accounting - Kế toán tài chính chuyên sâu	6	Hệ thống thông tin kế toán	3
Kế toán chi phí	3	Lập và trình bày BCTCDN	3	Kế toán nâng cao 2	3	Phân tích dữ liệu trong kế toán	3	Consulting project, international or internship experience	6	Auditing and assurance - Kiểm	3

ĐH Điện lực		ĐH Công nghiệp Hà Nội		Đại học Kinh tế quốc dân		Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng		Monash Business school/Monash University - Australia		Auburn University – US	
								unit* - Dự án, thực hành hoặc thực tập chuyên môn (có thể tiến hành vào cuối năm 2)		toán và dịch vụ đảm bảo	
Thực hành kế toán doanh nghiệp	4	Thực hành kế toán doanh nghiệp	2	Phân tích dữ liệu trong kế toán	3	Kế toán công ty	3	Free elective study unit 7 - Môn học tự chọn 7	6	Intermediate Accounting I - Kế toán 1	3
Quản lý chi phí và tài chính (MA2 - ACCA Diploma)	4	Phân tích báo cáo tài chính	3	Kế toán công 2	3	Phân tích BCTC và định giá doanh nghiệp	3	Auditing and assurance - Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	6	Professional Development in Accountancy - Phát triển nghề nghiệp kế toán	1
Kế toán quản trị chuyên sâu (FMA- ACCA Diploma)	3	Kế toán hành chính sự nghiệp	3			Kế toán thuế	3	Taxation law - Luật Thuế	6	Principles of Business Finance - Nguyên tắc tài chính kinh doanh	3
Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong tổ chức	3	Kiểm toán tài chính	3			Thực hành kế toán	3	Capstone unit ACX3900 Global issues in accounting - Các vấn đề trong kế toán toàn cầu	6	Introduction to Management Information Systems - Giới thiệu hệ thống thông tin quản trị	2
Thực hành kế toán và kiểm soát	4	Kế toán quản trị F1	3			Kế toán môi trường	3	Free elective study unit 8 - Môn học tự chọn 8	6	Intermediate Accounting II - kế toán 2	3



ĐH Điện lực		ĐH Công nghiệp Hà Nội		Đại học Kinh tế quốc dân		Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng		Monash Business school/Monash University - Australia		Auburn University – US	
Ghi chép nghiệp vụ tài chính cơ bản (FA1 - ACCA Diploma)	2										
Quản lý thông tin chi phí trong tổ chức (MA1- Diploma)	2										
Các nguyên tắc kế toán căn bản (FA2 - ACCA Diploma)	2										
Kiểm toán căn bản (FAU- ACCA Diploma)	3										
Cơ sở Quản lý tài chính (FFM - ACCA Diploma)	3										
Quản lý chi phí và tài chính (MA2 - ACCA Diploma)	3										
Kế toán quản trị chuyên sâu (FMA- ACCA Diploma)	3										
Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	3										
Kiến tập hệ kế toán	2										
- TTTN	4										
- ĐA/KL tốt nghiệp	7	- ĐA/KL tốt nghiệp	10	- ĐA/KL tốt nghiệp	10	- ĐA/KL tốt nghiệp	10	- ĐA/KL tốt nghiệp		- ĐA/KL tốt nghiệp	
<b>Tổng khối lượng</b>	<b>128</b>	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>143</b>	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>132</b>	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>133</b>	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>138</b>	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>123</b>

